

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Thuận

A. 10
H: 7

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D6-32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030106	Đặng Việt	Anh	14/07/2005	CCQ2303C								
2	2123030084	Ngô Thanh	Bình	17/03/2005	CCQ2303C						0,0		
3	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	CCQ2303C	AVI-10	Bis	2,4	Bis	3,2	2,8	6,8	4,4
4	2123030135	Nguyễn Văn	Chi	10/04/2005	CCQ2303D	AVI-11	Chu	5,9	Chu	5,1	5,5	8,2	6,6
5	2123030105	Lê Minh	Chiến	18/04/2005	CCQ2303C								
6	2123030091	Đỗ Văn	Đàm	20/11/2004	CCQ2303C	AVI-11	Đam	3,7	Đam	5,5	4,6	6,8	5,5
7	2123030079	Ngô Tiến	Đạt	29/01/2004	CCQ2303C	AVI-09	Dat	4,3	Dat	5,1	4,7	7,3	5,7
8	2123030134	Hồ Văn	Dự	28/10/2005	CCQ2303D	AVI-10	Du	6,4	Du	7,7	7,1	8,6	7,7
9	2123030099	Võ Tấn	Dũng	01/06/2005	CCQ2303C	AVI-11	Dung	5,5	Dung	4,9	5,2	8,6	6,6
10	2123030094	Nguyễn Minh	Dương	22/09/2005	CCQ2303C								
11	2123030143	Huỳnh Tấn	Duy	18/06/2005	CCQ2303D								
12	2123030095	Châu Thành	Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C	AVI-10	Hiep	3,9	Hiep	5,2	4,6	6,0	5,2
13	2123030119	Mai Trần Duy	Hiệu	26/05/2005	CCQ2303D	AVI-10	Hieu	5,0	Hieu	3,3	4,2	6,3	5,0
14	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	AVI-12	Huong	3,0	Huong	4,0	3,5	6,7	4,8
15	2123030078	Nguyễn Thọ	Hùng	19/03/2005	CCQ2303C	AVI-19	Hung	2,5	Hung	1,2	1,9	4,6	3,0
16	2123030092	Nguyễn Trương	Hữu	23/03/2005	CCQ2303C	AVI-12	Huu	4,2	Huu	7,6	5,9	6,8	6,3
17	2123030130	Nguyễn Hữu	Huy	05/02/2005	CCQ2303D						0,0		
18	2123030127	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2005	CCQ2303D	AVI-09	Huy	4,2	Huy	5,8	5,0	5,4	5,2
19	2123030087	Trần Quốc	Huy	21/09/2005	CCQ2303C	AVI-11	Huy	3,0	Huy	4,6	3,8	5,8	4,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: A201

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030089	Trần Mai	Khải	15/12/2005	CCQ2303C	09	KPai	3,3	Khải	3,1	3,2	5,3	4,0	
21	2123030198	Võ Duy	Khang	18/12/2005	CCQ2303C							0,0		
22	2123030103	Nguyễn Đăng	Khoa	25/10/2005	CCQ2303C	12	khôa	3,5	khôa	7,8	5,7	5,6	5,7	
23	2123030076	Huỳnh	Khôi	22/09/2005	CCQ2303C									
24	2123030077	Quách Phong	Khôi	12/07/2005	CCQ2303C	12	Khôi	2,8	khôi	4,0	3,4	5,2	4,1	
25	2123030081	Dương Văn Nhứt	Linh	09/05/2005	CCQ2303C									
26	2123030121	Dương Thanh	Lộc	26/01/2005	CCQ2303D	12	Yloc	3,4	Yloc	3,9	3,7	6,1	4,7	
27	2123030112	Ngô Nguyễn Thanh	Lưu	10/08/2005	CCQ2303D							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 20
H: 3

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 2

Phòng thi: A205 Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 2

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

⑨
T. Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030257	Đào Văn Minh	24/09/2003	CCQ2303D							0,0		
2	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	11/01/2005	CCQ2303D	11	Nhi	5,0	Nhi	8,4	6,7	9,2	7,7
3	2123030114	Phan Công	Nhi	17/11/2005	CCQ2303D	12	Nhi	3,9	Nhi	3,2	3,6	8,2	5,4
4	2123030088	Nguyễn Tấn	Phát	25/09/2005	CCQ2303C	09	Phát	3,1	Phát	5,8	4,5	7,5	5,2
5	2123030124	Phạm Ngọc	Phong	13/10/2005	CCQ2303D	10	Phong	4,1	Phong	6,3	5,2	7,1	6,0
6	2123030107	Phạm Thanh	Phú	20/10/2004	CCQ2303C	11	Phu	5,2	Phu	3,6	4,4	5,6	5,0
7	2123030128	Nguyễn Hữu	Phúc	19/07/2005	CCQ2303D	12	Phuc	3,7	Phuc	4,2	4,0	5,2	4,5
8	2123030113	Trần Lê Trọng	Phúc	27/04/2005	CCQ2303D						0,0		
9	2123030073	Nguyễn Thái Anh	Quân	01/09/2005	CCQ2303C	09	Qua	5,8	Qua	6,4	6,1	5,2	5,7
10	2123030102	Lý Công	Quý	06/06/2005	CCQ2303C	12	Quy	4,8	Quy	7,5	6,2	7,4	6,7
11	2123030209	Nguyễn Thái	Quỳnh	01/11/2003	CCQ2303D						0,0		
12	2123030136	Nguyễn Văn Hồng	Son	14/09/2005	CCQ2303D	11	Son	4,5	Son	6,0	5,3	8,7	6,7
13	2123030085	Trần Hoàng Minh	Tâm	28/03/2005	CCQ2303C	10	Tam	6,4	Tam	6,2	6,3	8,0	7,0
14	2123030210	Phạm	Thái	11/07/2003	CCQ2303D	09	Thai	6,9	Thai	8,0	7,5	7,7	7,6
15	2123030116	Phan Văn	Thành	25/11/2005	CCQ2303C	10	Thanh	4,0	Thanh	7,8	5,9	8,0	6,7
16	2123030126	Phan Thành	Thông	20/02/2005	CCQ2303D	11	Thong	4,8	Thong	5,8	5,3	7,2	6,1
17	2123030074	Nguyễn Công	Thu	13/12/2005	CCQ2303C								
18	2123030086	Nguyễn Minh	Thuận	23/06/2005	CCQ2303C	12	Thuan	3,5	Thuan	4,7	4,1	6,3	5,0
19	2123030138	K	Tín	15/09/2005	CCQ2303D	09	Tin	6,7	Tin	8,3	7,5	8,1	7,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

⑨
T. Thuận

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 12g30

Số bài thi:

Phòng thi: A205

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030111	Trần Hữu	Trí	12/12/2005	CCQ2303D	10		4,3	Trí	6,5	5,4	7,0	6,0	
21	2123030125	Nguyễn Huỳnh	Trí	12/07/2005	CCQ2303D	11		7,2	Trí	7,3	7,3	7,6	7,4	
22	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	CCQ2303C	09		3,8	Truyền	4,4	4,1	5,8	4,8	
23	2123030131	Vô Thanh	Tú	22/07/2005	CCQ2303D	12		4,4	Tú	4,3	4,4	7,4	5,6	
24	2123030100	Nguyễn Đỗ Anh	Tuấn	28/11/2005	CCQ2303C	11		6,0	Tuấn	4,7	5,4	7,9	6,4	
25	2123030129	Đinh Công	Tuyền	27/07/2004	CCQ2303D						0,0			
26	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	CCQ2303D	10		4,6	Việt	4,1	4,4	5,0	4,6	
27	2123030208	Phan Quốc	Vượng	02/09/2005	CCQ2303D	09		3,8	Vượng	7,0	5,4	6,0	5,6	
28	2123030115	Nguyễn Thế	Ý	13/04/2005	CCQ2303D	12		5,2	Thế Ý	8,6	6,9	7,1	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 12
H: 1

C. Bảo Anh

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 13

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A206

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030163	Trần Văn An	20/08/2005	CCQ2303E	AV1-11		6,6		7,8	7,2	7,5	7,3	
2	2123030202	Trần Tuấn Anh	16/06/2005	CCQ2303F									
3	2121180006	Ngô Minh Âu	06/11/2003	CCQ2118A	AV1-09	Âu	7,0	Âu	5,3	6,2	7,3	6,6	
4	2123030165	Trần Văn Đài	01/06/2005	CCQ2303E	AV1-10	Đài	8,5	Đài	8,0	8,3	8,6	8,4	
5	2123030149	Mai Danh Đạt	04/09/2005	CCQ2303E	AV1-11	Dat	7,9	Dat	8,0	8,0	7,9	8,0	
6	2123030150	Nguyễn Thành Đạt	01/05/2005	CCQ2303E	AV1-10	Đạt	0,0				3,7		
7	2121120359	Nguyễn Ngọc Diên	29/09/2003	CCQ2112K	AV1-08	Diên	6,0	Diên	6,8	6,4	5,6	6,1	
8	2123030170	Lê Minh Đức	15/11/2005	CCQ2303E									
9	2123030194	Lương Tiến Dũng	06/08/2005	CCQ2303F	AV1-11	Dung	6,1	Dung	5,3	5,7	7,0	6,2	
10	2123030148	Đổng Đại Dương	14/04/2005	CCQ2303E	AV1-12	Duong	5,6	Duong	3,6	4,6	7,5	5,8	
11	2123030153	Trần Anh Hào	21/06/2005	CCQ2303E	AV1-09	Hao	4,4	Hao	6,7	5,6	6,6	6,0	
12	2123030183	Phan Đình Hùng	02/09/2005	CCQ2303F									
13	2123030166	Nguyễn Hiệp Hưng	15/05/2005	CCQ2303E	AV1-10	Hung	5,0	Hung	8,4	6,7	7,6	7,1	
14	2123030146	Võ Văn Khải	12/01/2005	CCQ2303E	AV1-9								
15	2123030200	Lê Hữu Kheng	24/12/2005	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		
16	2123030185	Lê Văn Khánh	17/07/2005	CCQ2303F									
17	2123030152	Nguyễn Minh Khiêm	18/05/2005	CCQ2303E	AV1-9	Khiem	4,0	Khiem	3,3	3,7	6,3	4,7	
18	2123030167	Lưu Tấn Kiên	02/03/2005	CCQ2303E						Cấm thi	0,0		
19	2123030174	Lê Tuấn Kiệt	19/01/2005	CCQ2303E	AV1-12	Kiet	4,9	Kiet	7,8	6,4	5,8	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Bảo Anh

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 12g30 Số bài thi:

Phòng thi: A206 Số tờ giấy thi:

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030188	Nguyễn Hoàng Long	13/09/2003	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		
21	2123030181	Trần Xuân Long	02/10/2004	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		
22	2121120223	Nguyễn Tiến Nam	07/10/2002	CCQ2112G						Cấm thi	0,0		
23	2123030182	Trần Phương Nam	01/04/2005	CCQ2303F	AVH 1 Nam		4,5	Nam	5,8	5,2	7,5	6,1	
24	2123030212	Lê Việt Nhân	08/04/2005	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		
25	2123030207	Nguyễn Minh Nhật	09/02/2005	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 8
H: 8

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: A301

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 15

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Xuân Lưu

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Mai

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Văn Tuấn

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Lê Bảo Anh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Le Thi Thu

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nhân Châu

C. Bảo Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030246	Nguyễn Hữu	Phúc	22/03/2005	CCQ2303E									
2	2123030161	Huỳnh Mạnh	Quân	09/12/2005	CCQ2303E	11	Quân	3,5	Quân	1,4	2,5	5,0	3,5	
3	2120110257	Nguyễn Hoàng	Qui	19/02/2002	CCQ2011H	10	Qui	7,4	Qui	6,3	6,9	8,0	7,3	
4	2123030176	Lê Công	Quyên	14/08/2005	CCQ2303E	09	Quyên	4,6				6,4		
5	2123030244	Thành Y	Sân	01/12/2002	CCQ2303E									
6	2123030222	Vũ Hoàng	Sơn	20/08/2005	CCQ2303F									
7	2123030147	Hồ Xuân	Tân	10/11/2005	CCQ2303E	0210	Pan	1,8	Pan	0,5	1,2	5,4	2,9	
8	2123030169	Lê Đức	Thái	21/03/2005	CCQ2303E	12	Thái	4,0	Thái	3,6	3,8	5,2	4,4	
9	2123030156	Võ Đức	Thắng	01/05/2005	CCQ2303E	11	Thắng	7,5	Thắng	8,1	7,8	8,1	7,9	
10	2125030219	Nguyễn Thanh	Thảo	15/06/2005	CCQ2303F	12	Thảo	4,7	Thảo	1,3	3,0	5,8	4,1	
11	2123030228	Nguyễn Trường	Thọ	30/01/2005	CCQ2303F	11	Thọ	0,0				6,2		
12	2123030168	Trần Thanh	Thọ	22/01/2005	CCQ2303E									
13	2123030155	Hà Đức	Thuận	07/05/2005	CCQ2303E						cần thi	0,0		
14	2123030196	Đinh Quang	Thường	17/06/2005	CCQ2303F	9	Thường	3,7	Thường	2,3	3,0	4,2	3,5	
15	2123030175	Lê Văn	Tri	19/01/2005	CCQ2303E							4,2		
16	2123030211	Hồ Chín	Triệu	08/10/2005	CCQ2303F	10	Triệu	4,5	Triệu	7,4	6,0	6,1	6,0	
17	2123030218	Hồ Đức	Trọng	02/10/2005	CCQ2303F	09	Trọng	6,3	Trọng	5,5	5,9	8,1	6,8	
18	2123030179	Nguyễn Nhật	Trường	23/05/2005	CCQ2303E	12	Trường	4,3	Trường	4,0	4,2	6,3	5,0	
19	2123030205	Lê Minh	Tú	15/08/2005	CCQ2303F	09	Tú	3,0	Tú	5,0	4,0	6,3	4,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: A301

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Nguyễn Xuân Lúa

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Đào Thị Ngọc

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Văn Tuấn

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]
Lê Bảo Anh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]
Lê Văn Tuấn

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Văn Tuấn

C. Bảo Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E	10	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	7,2	5,7	7,9	6,6	
21	2123030151	Trần Anh	Tuấn	14/02/2005	CCQ2303E	11	<i>[Signature]</i>	3,2	<i>[Signature]</i>	7,7	5,5	6,7	6,0	
22	2123030184	Đổng Duy	Tuyển	07/01/2004	CCQ2303F	12	<i>[Signature]</i>	3,7	<i>[Signature]</i>	7,8	5,8	6,1	5,9	
23	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E	09	<i>[Signature]</i>	7,8	<i>[Signature]</i>	7,8	7,8	8,5	8,1	
24	2123030173	Nguyễn Quang	Vinh	07/08/2005	CCQ2303E						Cấm thi	0,0		
25	2123030195	Phạm Quốc	Vinh	11/06/2005	CCQ2303F						Cấm thi	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ. 15
H 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: A302

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Lê P. Tiến

Nguyễn Văn Ngọc

Đỗ Thị Thanh Bình

Nguyễn Văn Ngọc

Ng. H. T. Văn

Nguyễn Văn Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1✓	2123040010	Nguyễn Đức	Bảng	29/12/2005	CCQ2304A									
2	2123040030	Trần Hải	Đăng	17/04/2005	CCQ2304A	09	Đs	7.0	Đs	7.0	7.0	9.7	8.1	
3	2123040003	Trần Hoàng	Danh	24/04/2005	CCQ2304A	10	Danh	5.4	Danh	8.8	7.1	7.8	7.4	
4	2123040025	Nguyễn Công	Đoàn	29/07/2005	CCQ2304A	11	Capdon	7.3	Capdon	7.0	7.2	7.4	7.3	
5	2123040028	Hồ Thanh	Duy	26/10/2005	CCQ2304A	12	Duy	6.6	Duy	7.6	7.2	7.5	7.3	
6	2123040002	Nguyễn Văn	Hải	03/05/2002	CCQ2304A	09	Hải	5.6	Hải	3.4	4.5	7.9	5.9	
7	2123040017	Huỳnh Ngọc	Hồ	27/07/2005	CCQ2304A	10	Hồ	6.4	Hồ	4.3	5.4	7.6	6.3	
8	2123040014	Nguyễn Văn	Hoàng	22/11/2005	CCQ2304A	11	Hoàng	6.3	Hoàng	7.1	6.7	9.2	7.7	
9✓	2123040023	Nguyễn Thế	Hùng	12/05/2005	CCQ2304A							0.0		
10	2123040018	Nguyễn Hoàng	Khang	18/04/2005	CCQ2304A	09	Khang	9.4	Khang	8.3	8.9	9.2	9.0	
11✓	2123040033	Nguyễn Ngọc	Khánh	11/07/2005	CCQ2304A							0.0		
12✓	2123040015	Nguyễn Văn	Lâm	06/02/2005	CCQ2304A									
13✓	2123040034	Lê Quang	Minh	27/10/2005	CCQ2304A									
14✓	2123040011	Trịnh Đình	Minh	08/09/2005	CCQ2304A									
15	2121190004	Nguyễn Minh	Nhật	09/09/2003	CCQ2112N	10	Nhật	4.1	Nhật	0.4	2.3	7.4	4.3	
16	2123040027	Nguyễn Tấn	Phát	06/11/2005	CCQ2304A	11	Phát	4.8	Phát	8.0	4.1	8.1	5.7	
17	2123040007	Phạm Thành	Phát	10/08/2005	CCQ2304A	12	Phạm	5.4	Phạm	3.4	4.4	8.5	6.0	
18	2123040016	Phạm Thành	Phát	26/04/2005	CCQ2304A	09	Phạm	4.0	Phạm	4.4	4.2	7.0	5.3	
19	2123040008	Nguyễn Ngọc	Phúc	19/01/2005	CCQ2304A	10	Phúc	3.4	Phúc	8.2	5.8	7.3	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 17

Phòng thi: A302 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Lê P. Tiến

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Ngọc

G.Viên chấm thi
Môn Viết

Đỗ Thị Thanh Thủy

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Văn Ngọc

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn Ngọc

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn Ngọc

T. Thuận 12

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123040006	Thạch Ngọc	Son	25/09/2004	CCQ2304A	11	Son	5,1	Son	6,9	6,0	8,6	7,0	
21	2123040012	Trần Nhật	Tài	26/03/2005	CCQ2304A	12	Tài	7,3	Tài	7,1	7,2	8,8	7,8	
22	2123040004	Bùi Thanh	Tân	02/10/2005	CCQ2304A	09	Tan	6,3	Tan	3,9	5,1	6,5	5,7	
23	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	10	Thành	3,6	Thành	2,6	3,1	5,0	3,9	

Đ. 9
H. 3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 12

Phòng thi: A304

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: DS-27

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123040013	Nguyễn Văn	Thông	10/09/2005	CCQ2304A							0,0		
2	2123140038	Vũ Minh	Thuận	14/03/2005	CCQ2314B	12	Thuận	6,9	Thuận	8,0	7,5	8,3	7,8	
3	2123040072	Đỗ Anh	Thương	24/09/2005	CCQ2304A	10	Đ	9,7	Đ	8,5	9,1	8,1	8,7	
4	2123040021	Nguyễn Trương	Tin	12/02/2005	CCQ2304A	12	Tin	5,9	Tin	6,5	6,2	8,3	7,0	
5	2123040024	Ngô Thái	Tổ	06/05/2005	CCQ2304A	11	Tổ	4,4	Tổ	4,0	4,2	6,7	5,2	
6	2123040020	Nguyễn Tiến	Toàn	06/06/2005	CCQ2304A							0,0		
7	2123040035	Bùi Hữu	Tri	03/08/2005	CCQ2304A									
8	2123040032	Huỳnh Nguyễn Hữu	Tri	30/05/2005	CCQ2304A	09	Tri	5,1	Tri	3,7	4,4	7,3	5,6	
9	2123140047	Lư Minh	Tri	27/03/2005	CCQ2314B	11	Tri	5,9	Tri	8,0	7,0	7,4	7,2	
10	2123030020	Lê Trần Minh	Triệu	11/08/2005	CCQ2303A	10	Triệu	4,0			00	0,0	00-	
11	2123040029	Lê Thanh	Trọng	16/11/2005	CCQ2304A									
12	2123140065	Đoàn Văn	Trung	24/05/2005	CCQ2314B							0,0		
13	2123030017	Nguyễn Trọng	Trường	17/05/2004	CCQ2303A							0,0		
14	2123140061	Lưu Đỗ Tấn	Tú	30/07/2005	CCQ2314B							0,0		
15	2123140099	Doãn Ngọc	Tuấn	10/11/2005	CCQ2314C	09	Tuấn	4,2	Tuấn	6,5	5,4	8,7	6,7	
16	2123140051	Não Thanh	Tuấn	09/01/2005	CCQ2314B	12	Tuấn	3,3		00	4,7	5,5	3,7	
17	2123030030	Ngô Ngọc	Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A							0,0		
18	2123140043	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2314B							0,0		
19	2123040005	Vũ Đình	Tùng	10/03/2005	CCQ2304A	11		3,5		5,3	4,5	7,4	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Thuận

Môn học: Anh văn I (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 12

Phòng thi: A304

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123140105	Nguyễn Tấn	Tuyển	17/09/2005	CCQ2314C							0,0		
21	2123030003	Mai Quốc	Vinh	23/12/2005	CCQ2303A							0,0		
22	2123040026	Nguyễn Khắc	Vũ	06/07/2005	CCQ2304A	10	<i>Ke</i>	2,5	<i>Ke</i>	4,3	3,5	6,6	4,7	
23	2123040009	Cù Hoàng	Vương	08/05/2005	CCQ2304A							0,0		
24	2123040001	Nguyễn Xuân	Vương	10/05/2001	CCQ2304A	09	<i>Vương</i>	4,5	<i>Vương</i>	5,1	4,8	7,5	5,9	
25	2121120251	Nguyễn Song Hoài	Vỹ	01/11/2003	CCQ2112H							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 11
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 12

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 12

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 12

Phòng thi: A305

Số tờ giấy thi: 12

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 12

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123040073	Phan Phú Ân	23/09/2005	CCQ2304B	11	Ân	6.4	Ân	5.9	6.2	8.3	7.0	
2	2123030009	Nguyễn Tuấn Anh	07/11/2005	CCQ2303A	10	Tuấn Anh	7.2	Tuấn Anh	5.0	6.1	7.8	6.8	
3	2123030248	Hồ Khắc Bảo	03/03/2005	CCQ2303A						Cấm thi	0.0		
4	2123030018	Từ Quốc Du	12/10/2005	CCQ2303A	09	Du	6.1	Du	5.0	5.6	7.6	6.4	
5	2123030007	Bùi Cao Nguyễn	11/11/2004	CCQ2303A						Cấm thi	0.0		
6	2123040042	Trịnh Nguyễn Minh Đức	29/01/2005	CCQ2304B						Cấm thi	0.0		
7	2123030036	Nguyễn An Hoàng	12/08/2005	CCQ2303A						Cấm thi			
8	2123030015	Mai Xuân Hào	05/11/2005	CCQ2303A	12	Hào	6.1	Hào	6.3	6.2	7.4	6.7	
9	2123040047	Võ Thanh Hoàng	03/06/2005	CCQ2304B	11	Hoàng	2.7	Hoàng	0.0	1.4	5.6	3.1	
10	2123040049	Hứa Lily	18/03/2005	CCQ2304B						Cấm thi	0.0		
11	2123040061	Đào Nguyễn Đức	24/10/1999	CCQ2304B						Cấm thi			
12	2123030012	Nguyễn Quang Huy	22/07/2005	CCQ2303A						Cấm thi			
13	2123040041	Trần Nguyễn Thế	31/03/2005	CCQ2304B						Cấm thi			
14	2123040063	Trương Công Huy	07/09/2005	CCQ2304B	11	Huy	7.5	Huy	7.5	7.5	8.4	7.9	
15	2123040046	Nguyễn Đặng Minh Khang	09/08/2005	CCQ2304B	10	Khang	6.7	Khang	6.8	6.8	8.4	7.4	
16	2123040054	Âu Dương Khánh	17/12/2005	CCQ2304B	09	Khánh	8.3	Khánh	7.3	7.8	8.8	8.2	
17	2123040066	Nguyễn Bảo Minh	14/10/2004	CCQ2304B						Cấm thi			
18	2123030011	Trần Nhật Long	08/05/2005	CCQ2303A	12	Long	7.7	Long	8.3	8.0	8.1	8.0	
19	2123030026	Trần Ngọc Lực	30/11/2004	CCQ2303A	11	Lực	5.0	Lực	4.0	4.5	5.7	5.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

14

C. Châu

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 1

Phòng thi: A305 Số tờ giấy thi: 1

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 1

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123040064	Lương Sĩ Mẫn	03/12/2004	CCQ2304B						Cẩn thi	0,0		
21	2123040044	Hồ Văn Mạnh	02/03/2004	CCQ2304B	AV1-09	Mạnh	6.2	Mạnh	6,6	6.4	8,0	7.0	
22	2123040043	Nguyễn Văn Nghia	10/10/2005	CCQ2304B	AV1-10	ng	5.0	ng	5,4	5.2	6,8	5.8	
23	2123040050	Chu Hữu Phong	17/11/2005	CCQ2304B						Cẩn thi	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 13
H: 05

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: A401

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 18

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 18

Trần T. Thanh

NTMLan

Hồng Thắng

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Văn

P.V. Mai

C. Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030024	Châu Đặng	Phú	02/08/2005	CCQ2303A	10		3.6		3.0	3.3	6.7	4.7	
2	2123040038	Lương Văn	Phú	25/04/2005	CCQ2304B	11		2.4		3.5	3.0	6.4	4.4	
3	2123030008	Phạm Nhật	Phú	15/03/2005	CCQ2303A						Cấm thi			
4	2123030037	Nguyễn Đức Minh	Phúc	06/05/2005	CCQ2303A						Cấm thi	0,0		
5	2123040055	Hồ Phúc	Quốc	09/01/2005	CCQ2304B	12		6.8		8.3	7.6	8.4	7.9	
6	2123040059	Huỳnh Phú	Quốc	17/09/2005	CCQ2304B	09		7.9		7.0	7.5	7.9	7.7	
7	2123030197	Trịnh Như	Quỳnh	14/04/2005	CCQ2303A						Cấm thi	0,0		
8	2123040045	Trương Quang	Sang	08/08/2005	CCQ2304B	10		8.1		4.9	6.5	7.4	6.9	
9	2123040062	Cao Tấn	Tài	14/02/2005	CCQ2304B	11		6.8		4.3	5.6	7.8	6.5	
10	2123040058	Phạm Thành	Tài	10/08/2005	CCQ2304B	09		8.0		5.0	6.5	8.7	7.4	
11	2123030033	Phan Nguyễn Quan	Tâm	29/12/2004	CCQ2303A	12		4.0		2.0	3.0	4.9	3.8	
12	2123040039	Phùng Triệu	Tiến	02/10/2005	CCQ2304B	11		6.8		6.6	6.7	7.9	7.2	
13	2123040069	Trần Trung	Tin	30/03/2005	CCQ2304B						Cấm thi	0,0		
14	2123040051	Hoàng Quách	Tĩnh	21/03/2005	CCQ2304B	10		5.5		6.0	5.8	5.3	5.6	
15	2123040052	Nguyễn Đức	Toàn	19/02/2005	CCQ2304B	09		2.9		1.5	2.2	4.6	3.2	
16	2123030019	Trương Nhật	Trang	20/11/2005	CCQ2303A	12		3.9		1.0	2.5	4.4	3.3	
17	2123040053	Thân Văn	Tri	12/03/2005	CCQ2304B	10		7.2		4.5	5.9	6.6	6.2	
18	2123040056	Ngô Văn	Triển	14/11/2005	CCQ2304B						Cấm thi			
19	2123040068	Nguyễn Quang	Trường	08/04/2005	CCQ2304B	11		9.4		7.3	8.4	9.0	8.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

(15)
C. Châu

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18...

Giờ thi: 12g30 Số bài thi:18...

Phòng thi: A401 Số tờ giấy thi: 18...

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18.

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Thanh
T. Thanh

Cán bộ coi thi 2

Maik
NTMLan

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Ngọc Châu
Hong Thang Hoang

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123040057	Đỗ Anh	Tuấn	15/02/2005	CCQ2304B	12	<i>Luân</i>	7.8	<i>Luân</i>	7.4	7.6	8.9	8.1	
21	2123040060	Nguyễn Hữu	Tuấn	14/07/2005	CCQ2304B						<i>Cần thi</i>	0.0		
22	2123040036	Nguyễn Minh	Tuấn	16/08/2005	CCQ2304B	09	<i>Minh</i>	6.0	<i>Minh</i>	6.5	6.3	7.5	6.8	
23	2123040067	Tô Ngọc	Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	10	<i>Ngọc</i>	5.4	<i>Ngọc</i>	5.7	5.6	6.6	6.0	
24	2123040037	Phạm Chí	Vỹ	30/10/2005	CCQ2304B	11	<i>Vỹ</i>	6.1	<i>Vỹ</i>	6.9	6.5	8.5	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 15
H: 2

C.Thảo

16

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: A402

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 16

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ gọi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

ThS. Trần Thị Ai Hương

Le Thanh Ng T.P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140021	Nguyễn Lê Hoài	Đào	29/11/2005	CCQ2314A					Cấm thi	0,0		
2	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A	10	2	4,6	2	7,4	6,0	6,3	
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A	11	4	7,5	4	7,2	7,4	9,0	
4	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A	12	2	7,4	2	8,9	8,2	9,6	
5	2123140073	Nguyễn Văn	Dàn	20/09/2004	CCQ2331B					Cấm thi	0,0		
6	2123140055	Trần Quốc	Đạt	06/07/2005	CCQ2314B	10	2	4,8	2	7,6	6,2	7,8	
7	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A	11	Đức	4,9	Đức	6,0	5,5	5,7	
8	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A	12	Đức	8,4	Đức	8,3	8,4	9,5	
9	2123140011	Nguyễn Hùng	Dũng	09/12/2005	CCQ2314A					Cấm thi	0,0		
10	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A	10	Đức	6,4	Đức	6,6	6,5	7,9	
11	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A	11	Đức	6,8	Đức	8,7	7,8	9,5	
12	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A	12	Giang	5,6	Giang	4,0	4,8	5,4	
13	2123140046	Nguyễn Anh	Hào	09/11/2005	CCQ2314B	09	Hào	6,3	Hào	6,8	6,6	7,9	
14	2123140040	Đôi Chí	Hiếu	02/01/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
15	2123140044	Trần Hữu	Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B	10	Đức	2,5	Đức	3,0	2,8	5,1	
16	2123140068	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
17	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	12	Hoành	7,4	Hoành	8,2	7,8	8,6	
18	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A	09	Hợp	5,8	Hợp	6,9	6,4	7,6	
19	2123170048	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A					Cấm thi	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thảo 16

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 17
Phòng thi: A402 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 16
Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 16
Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123140015	Lê Văn	Huy	09/01/2005	CCQ2314A	11	g Huy	4,3	g Huy	5,1	4,7	7,3	5,7	
21	2123140074	Trần Gia	Huy	08/11/2005	CCQ2314B						cấm thi	0,0		
22	2123140045	Nguyễn Trọng	Khanh	05/11/2005	CCQ2314B	12	Khanh	4,6	Khanh	3,7	4,2	7,8	5,6	
23	2123140120	Trần Công Duy	Khánh	17/04/2005	CCQ2314B						cấm thi	0,0		
24	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A	10	Khánh	2,8	Khánh	4,0	3,4	7,3	5,0	
25	2123140052	Kiều Chiêm Quốc	Khoa	02/09/2004	CCQ2314B	11	Khoa	3,9				3,2	1,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thảo

Đ: 13
H: 6

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: A404

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 17

ThS. Trần Thị Diễm

ThS. Trần Thị Thảo

ThS. Lê Thị Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140066	Nguyễn Văn Khoa	30/05/2005	CCQ2314B						Cấm thi	0,0		
2	2123140031	Mai Lê Tấn	Khương	07/06/2005	CCQ2314A	10	Khương	3,6	Khương	4,2	3,9	5,9	4,7
3	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B	11	Khương	5,3	Khương	5,5	5,4	7,6	6,3
4	2123140039	Nguyễn Duy	Lê	10/07/2005	CCQ2314B	12	Khương	5,7	Khương	6,7	6,2	8,4	7,1
5	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A	11	Khương	4,3	Khương	3,6	4,0	5,7	4,7
6	2123140063	Lê Hữu	Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B	12	Nghĩa	5,1	Nghĩa	6,0	5,6	7,0	6,2
7	2123140067	Vũ Trọng	Nghĩa	09/11/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
8	2123140071	Trần Trung	Nguyên	27/02/2005	CCQ2314B	10	Nguyên	7,2	Nguyên	6,9	7,1	8,6	7,7
9	2123140036	Trần Tấn	Phú	09/10/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
10	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A	12	Phúc	4,7	Phúc	6,1	5,4	6,8	6,0
11	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A	09	Quân	5,0	Quân	4,3	4,7	8,8	6,3
12	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	Quyên	07/09/2005	CCQ2314B	10	Quyên	4,6	Quyên	4,4	4,5	6,8	5,4
13	2123140048	Bà Tài Văn	Quyên	08/06/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
14	2123140053	Bà Ngọc	Son	30/01/2005	CCQ2314B	12	Son	3,1				3,1	1,2
15	2123140078	Nguyễn Đức	Tấn	07/01/2005	CCQ2314B	09	Tấn	5,1	Tấn	5,9	5,5	7,3	6,2
16	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A	10	Tây	3,1	Tây	4,0	3,6	6,4	4,7
17	2123140062	Nguyễn Đức	Thanh	10/11/2005	CCQ2314B	11	Thanh	4,5	Thanh	5,2	4,9	5,0	4,9
18	2123140049	Nguyễn Hữu	Thảo	18/02/2005	CCQ2314B					Cấm thi	0,0		
19	2123140056	Nguyễn Minh	Thông	24/11/2005	CCQ2314B	09	Thông	5,9	Thông	6,7	6,3	5,6	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C-Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: A404 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 17

Phòng thi: 1D5-28 Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tin	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123140029	Trần Hồ Trung	Tin	05/05/2005	CCQ2314A	10	Tin	5,4	Linh	5,7	5,6	5,6	5,6	
21	2123140017	Trần Hữu	Tri	19/12/2005	CCQ2314A	11	Tri	6,2	Tri	4,0	5,1	4,8	5,0	
22	2123140025	Nguyễn Duy	Trường	22/02/2005	CCQ2314A						Cấm thi			
23	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A	12	Truyền	4,9				3,8	1,5	
24	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A	12	Quang	6,4	Quang	4,1	5,3	6,0	5,6	
25	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A	09	Phước	4,6	Phước	6,0	5,3	7,6	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400306)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: A405

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	29/08/2004	CCQ2313C	09		8,1		7,8	8,0	7,4	7,8	
2	2123130032	Nguyễn Tiền	Bản	06/12/2005	CCQ2313B	10		6,1		0,6	3,4	6,3	4,6	
3	2123130009	Nguyễn Tổng Khánh	Chi	13/10/2005	CCQ2313A	11		4,2		2,6	3,4	3,7	3,5	
4	2121110239	Trần Ngọc Cao	Đăng	17/01/2002	CCQ2111G							4,2		
5	2123130059	Phan Thị Kiều	Diễm	21/11/2005	CCQ2313B	09		5,4		4,6	5,0	8,2	6,3	
6	2121110398	Nguyễn Phú	Dinh	15/05/2000	CCQ2111D	10		6,1		5,9	6,0	5,4	5,8	
7	2123130036	Nguyễn Thủy	Dương	18/03/2005	CCQ2313B	11		4,4		5,0	4,7	8,6	6,3	
8	2123130093	Nguyễn Thuý	Duyên	02/07/2005	CCQ2313C	12		5,0		4,4	4,7	5,7	5,1	
9	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	30/01/2005	CCQ2313C	09		4,5		7,6	6,1	6,6	6,3	
10	2123130094	Nguyễn Trần Đức	Huy	03/11/2005	CCQ2313A							5,5		
11	2120060043	Đổng Duy	Huynh	11/03/2002	CCQ2006B	10		4,0		5,8	4,9	7,2	5,8	
12	2123130052	Lê Thị Hồng	Lan	06/02/2004	CCQ2313B	11		6,0		6,6	6,3	9,2	7,5	
13	2123130030	Lê Thu	Lan	13/07/2005	CCQ2313A									
14	2123130023	Hoàng Thị Hải	Lãnh	10/04/2005	CCQ2313A									
15	2123130076	Huỳnh Mỹ	Liên	13/11/2005	CCQ2313C	10		4,3		4,6	4,5	5,4	4,9	
16	2123130053	Trương Thị Hồng	Liên	22/06/2005	CCQ2313B	11		4,4		4,8	4,6	8,0	6,0	
17	2121120264	Nguyễn Văn	Lợi	02/10/2002	CCQ2112H	12		3,9		4,2	4,2	6,3	5,0	
18	2119030049	Võ Minh	Luân	17/03/2001	CCQ1903B							0,0		
19	2123130062	Võ Hồ Thảo	Ly	15/12/2005	CCQ2313B	10		4,6		4,0	4,3	6,1	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

(18)
C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1
2/Minh
Lâm Q. Châu

Cán bộ coi thi 2
Quill
J.M. Dũng

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết
Phan Thị Châu

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết
Lo Thị Khanh Thảo

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp
Ng. H. T. Nam

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp
Lo Thị Thanh Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400306)

- Thi Viết:
Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20...
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20...
Phòng thi: A405 Số tờ giấy thi: 20...

- Thi Văn đáp:
Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:
Giờ thi: 7h30 Số bài thi:
Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123130002	Bùi Thị Xuân	Mai	23/02/2005	CCQ2313A	11	Mai	4,8	Mai	6,1	5,5	8,7	6,8	
21	2123130015	Lê Thị	Mến	19/04/2005	CCQ2313A	12	Mến	5,7	Mến	8,1	6,4	8,6	7,8	
22	2123130042	Lê Thị	Nga	10/05/2005	CCQ2313B	09	Nga	5,8	Nga	6,4	6,1	8,9	7,2	
23	2123130035	Quách Thị Hồng	Nga	06/07/2005	CCQ2313B	10	Nga	5,6	Nga	7,7	5,2	5,0	5,1	
24	2123130071	Đặng Như	Ngọc	19/05/2005	CCQ2313C	11	Ngọc	3,2	Ngọc	6,3	4,9	5,1	5,0	
25	2123130064	Bùi Thị Hồng	Nhi	25/09/2005	CCQ2313C	12	Nhi	5,5	Nhi	6,4	6,0	7,9	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D-16
H: 02

(19)
C. Lê Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400306)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: *18*

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: *18*

Phòng thi: A406 Số tờ giấy thi: *18*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *23/4/2024* Số SV có mặt: *18*

Giờ thi: *7h30* Số bài thi: *18*

Phòng thi: *D5-28* Số tờ giấy thi: *18*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

NV Phươc

Đinh Thị Lan

Phan Thị Chi Chi

Nguyễn Hà Thanh Vân

Nguyễn Hà Thanh Vân

Lê Thị Thanh Thái

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123130069	Nguyễn Phương	Nhi	14/10/2005	CCQ2313C	<i>AV1-12</i>	<i>Chuong</i>	<i>4,9</i>	<i>Chuong</i>	<i>7,6</i>	<i>6,3</i>	<i>6,1</i>	<i>6,2</i>	
2	2123130029	Trần Thị Hồng	Nhi	26/06/2005	CCQ2313A									
3	2123130040	Võ Thị Bích	Nhi	12/04/2005	CCQ2313B									
4	2123130085	Lâm Quê	Như	23/11/2005	CCQ2313C	<i>AV1-11</i>	<i>Như</i>	<i>7,1</i>	<i>Như</i>	<i>8,0</i>	<i>7,6</i>	<i>7,2</i>	<i>7,4</i>	
5	2123130079	Lâm Thị Quỳnh	Như	02/09/2005	CCQ2313A	<i>AV1-10</i>	<i>Như</i>	<i>6,5</i>	<i>Như</i>	<i>3,4</i>	<i>5,0</i>	<i>7,9</i>	<i>6,2</i>	
6	2123130063	Lê Nguyễn Nhật	Quỳnh	22/11/2005	CCQ2313B	<i>AV1-09</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>5,8</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>0,8</i>	<i>3,3</i>	<i>5,2</i>	<i>4,1</i>	
7	2123130051	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	19/11/2005	CCQ2313B	<i>AV1-09</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>6,2</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>2,7</i>	<i>4,5</i>	<i>6,8</i>	<i>5,4</i>	
8	2123130001	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/01/2004	CCQ2313A	<i>AV1-10</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>5,8</i>	<i>Quỳnh</i>	<i>6,6</i>	<i>6,2</i>	<i>7,4</i>	<i>6,7</i>	
9	2121030091	Từ Ngọc	Son	24/03/2003	CCQ2103C	<i>AV1-11</i>	<i>Son</i>	<i>5,9</i>	<i>Son</i>	<i>4,2</i>	<i>5,1</i>	<i>5,7</i>	<i>5,3</i>	
10	2123130008	Nguyễn Thị Thu	Tài	08/10/2005	CCQ2313A	<i>AV1-12</i>	<i>Thư</i>	<i>9,0</i>	<i>Thư</i>	<i>8,0</i>	<i>8,5</i>	<i>9,8</i>	<i>9,0</i>	
11	2120120201	Lê Xuân	Tây	10/04/2002	CCQ2012F							<i>2,6</i>		
12	2123130039	Phạm Thị Bích	Thảo	20/11/2004	CCQ2313B	<i>AV1-11</i>	<i>Thảo</i>	<i>4,2</i>	<i>Thảo</i>	<i>2,7</i>	<i>3,5</i>	<i>7,2</i>	<i>5,0</i>	
13	2120170026	Phạm Bảo	Thiên	28/06/2002	CCQ2017A							<i>3,0</i>		
14	2123130003	Phan Thị Ngọc	Thư	03/11/2005	CCQ2313A							<i>1,8</i>		
15	2123130050	Trương Ngọc Anh	Thư	03/03/2005	CCQ2313B	<i>AV1-12</i>	<i>Thư</i>	<i>5,8</i>	<i>Thư</i>	<i>6,1</i>	<i>6,0</i>	<i>4,1</i>	<i>5,2</i>	
16	2123130044	Mai Hoài	Thương	20/11/1999	CCQ2313B	<i>AV1-09</i>	<i>Thương</i>	<i>9,4</i>	<i>Thương</i>	<i>8,9</i>	<i>9,2</i>	<i>9,2</i>	<i>9,2</i>	
17	2123130038	Nguyễn Thị Thanh	Tiến	24/12/2005	CCQ2313B	<i>AV1-10</i>	<i>Tiến</i>	<i>6,3</i>	<i>Tiến</i>	<i>4,5</i>	<i>5,4</i>	<i>4,5</i>	<i>5,0</i>	
18	2123130061	Trương Thanh	Tiến	16/09/2005	CCQ2313B	<i>AV1-11</i>	<i>Tiến</i>	<i>8,3</i>	<i>Tiến</i>	<i>4,4</i>	<i>6,4</i>	<i>7,5</i>	<i>6,8</i>	
19	2123130031	Đặng Ngọc Như	Trâm	10/11/2005	CCQ2313B	<i>AV1-12</i>	<i>Trâm</i>	<i>6,8</i>	<i>Trâm</i>	<i>4,0</i>	<i>5,4</i>	<i>8,1</i>	<i>6,5</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(19)
C. Lê Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400306)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: A406 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]

[Signature]
Đinh Thị Lan

[Signature]
Phan Thị Thu

[Signature]
Lê Thị Thanh Thảo

[Signature]
Nguyễn Thị Văn

[Signature]
Lê Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123130084	Điền Thị Quỳnh	Trang	25/01/2005	CCQ2313C							0,0		
21	2123130082	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/04/2005	CCQ2313C	10	Trang	5,4	Trang	7,0	6,2	7,5	6,7	
22	2120130102	Phạm Thị Thùy	Trang	26/02/2001	CCQ2013D	10	Trang	3,2	Trang	5,9	4,6	2,8	3,9	
23	2123130037	Trần Phương	Trang	30/10/2004	CCQ2313B	09	Trang	5,7	Trang	6,2	6,0	7,5	6,6	
24	2123130020	Nguyễn Thị Cẩm	Ty	10/05/2005	CCQ2313A							1,0		
25	2123130019	Lê Thị Kim	Yến	17/12/2004	CCQ2313A	12	Yen	4,3	Yen	4,1	4,2	6,7	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 17
H: 4

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 22

Phòng thi: A501 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170608	Dương Hoàng	Anh	07/01/2004	CCQ2217P	11		8,3		7,4	7,9	8,6	8,2	
2	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	10		7,2		8,8	8,0	9,7	8,7	
3	2122120176	Võ Hoàng Gia	Bảo	31/07/2004	CCQ2212F	11		7,4		6,1	6,8	6,0	6,5	
4	2123200344	Phan Thị	Báu	18/09/2005	CCQ2320D	10		7,1		8,3	7,7	8,2	7,9	
5	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	15/07/2004	CCQ2210B	11		5,1		8,3	6,7	8,1	7,3	
6	2122140044	Phạm Văn	Đăng	16/03/2004	CCQ2214B	09		4,7		5,3	5,0	5,0	5,0	
7	2122120365	Đỗ Thương	Diệu	05/09/2004	CCQ2212K	07		5,1		0,0	2,6	5,0	3,6	
8	2122170747	Đặng Anh	Dũng	11/03/2004	CCQ2217LA	12		4,2		7,3	5,8	7,8	6,6	
9	2122040009	Võ Xuân	Dương	23/06/2004	CCQ2204A	12						0,0		
10	2122170836	Hoàng Minh	Hà	16/01/2004	CCQ2217LA	12		5,8		6,9	6,4	8,2	7,1	
11	2122170718	Lê Văn	Hà	25/09/2004	CCQ2217R	9		4,5		3,3	3,9	6,0	4,7	
12	2122070013	Phạm Ngọc	Hải	22/03/2004	CCQ2207A							0,0		
13	2122120369	Nguyễn Huỳnh Mẫn	Hân	18/05/2004	CCQ2212K	11		7,6		8,9	8,3	9,3	8,7	
14	2122200234	Dương Thị	Hạnh	22/05/2004	CCQ2220G	12		5,5		7,9	6,7	7,0	6,8	
15	2123100180	Nguyễn Thị Thu	Hoa	10/07/2005	CCQ2310F							0,0		
16	2122170618	Võ Văn	Hoàng	24/07/2004	CCQ2217P							0,0		
17	2122120430	Lê Văn	Hùng	21/09/2004	CCQ2212LA	09		4,3		4,0	4,2	5,0	4,5	
18	2122060057	Nguyễn Nhật	Huy	06/03/2004	CCQ2206B	12		5,1		3,8	4,5	9,4	6,5	
19	2122170815	Võ Văn	Khánh	14/05/2003	CCQ2217LA	09		3,9		7,0	5,5	8,1	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 12g30

Số bài thi:

Phòng thi: A501

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 30

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 2

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi: 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122170612	Nguyễn Quang	Lâm	23/06/2004	CCQ2217P	11	Lâm	4,7	Lâm	8,2	6,5	7,1	6,7	
21	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A	30	Ngọc	5,4	Ngọc	8,4	6,9	7,9	7,3	
22	2121120410	Đặng Hữu	Linh	01/09/2003	CCQ2112L	10	Hữu	5,8	Hữu	3,0	4,4	8,0	5,8	
23	2121120218	Nguyễn Hoài	Linh	01/03/2003	CCQ2112G	11	Linh	7,7	Hoài		5,0	6,0	2,4	
24	2122100043	Huỳnh Khánh	Ly	01/02/2004	CCQ2210B	10	Ly	7,8	Ly	5,3	6,6	7,0	6,8	
25	2122120170	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	03/10/2004	CCQ2212E	11	Ngọc	4,9	Ngọc	3,2	4,1	8,6	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 17
H: 2

T. Thuận

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: A502

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122070029	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/08/2004	CCQ2207A							0,0		
2	2122110584	Phạm Bá	Mạnh	01/06/2003	CCQ2211N	12		9,1		9,5	9,3	10,0	9,6	
3	2122130022	Nguyễn Thị Mộng	Mơ	01/11/2004	CCQ2213A	10		5,2		6,1	5,7	8,3	6,7	
4	2122170639	Lê Thanh	Nam	17/07/2003	CCQ2217P	12		4,4		3,9	4,2	7,1	5,4	
5	2122100226	Lê Thị Hồng	Ngọc	10/07/2003	CCQ2210G	09		7,1		8,6	7,9	7,9	7,9	
6	2122120419	Nguyễn Trung	Nhân	07/04/2004	CCQ2212M	42		3,9		3,8	3,9	6,6	5,0	
7	2122030027	Võ Duy	Nhất	07/02/2004	CCQ2203A							0,0		
8	2122120399	Bùi Thị Mỹ	Nhi	18/03/2004	CCQ2212L	09		3,5		8,0	5,8	8,0	6,7	
9	2122070003	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	24/08/2004	CCQ2207A	12		4,6		4,2	4,4	7,0	5,4	
10	2122170327	Đặng Trương	Phong	12/04/2004	CCQ2217I	11		8,4		3,6	6,0	6,0	6,0	
11	2123180033	Hồ Vũ	Phước	22/03/2002	CCQ2318A	10		8,7		7,5	8,1	8,4	8,2	
12	2123030214	Nguyễn Tiến	Quang	05/05/2005	CCQ2303F	09		6,1		3,5	4,8	7,9	6,0	
13	2122030127	Bùi Thanh	Quốc	20/11/2004	CCQ2203D							0,0		
14	2122120047	Huỳnh Thị Như	Quý	22/10/2004	CCQ2212B							0,0		
15	2122130026	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	08/01/2004	CCQ2213A	11		5,5		5,3	5,4	7,6	6,3	
16	2123180082	Phạm Phan Minh	Quyên	29/11/2003	CCQ2318C	10		4,8		5,3	5,1	9,5	6,9	
17	2122120350	Nguyễn Ngọc	Tâm	19/02/2004	CCQ2212K	11		9,3		7,8	8,6	8,5	8,6	
18	2122140019	Nguyễn Công	Tây	21/05/2003	CCQ2206A							0,0		
19	2123180030	Nguyễn Đức	Thắng	06/11/2005	CCQ2318A	09		6,1		5,9	6,0	8,6	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: A502 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1

Khuyến
Đỗ Quang
Huy

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Hồng Diên

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Đỗ Thị Thanh Thủy

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn T. Hồng Diên

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn T. Hồng Diên

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn T. Hồng Diên

T. Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	12	Thành	5,6	Thành	8,3	7,0	9,7	8,1	
21	2122040008	Nguyễn Khương	Thiên	09/02/2004	CCQ2204A							0,0		
22	2122170365	Phạm Minh	Thông	15/07/2004	CCQ2217J	10	Minh	4,8	Minh	0,0	2,4	6,0	3,8	
23	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A	11	Anh	5,7	Anh	4,7	5,2	7,1	6,0	
24	2122120426	Nguyễn Thị Thúy	Vy	04/07/2004	CCQ2212LA	09	Thúy	3,2	Thúy	5,3	4,3	6,5	5,2	
25	2121120627	Nguyễn Thị Yến	Vy	02/04/2003	CCQ2112R	10	Yến	4,0	Yến	0,8	2,4	6,0	3,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

H: 0
A: 20

C. Thuý (22)

Môn học: Anh văn 1 (22400308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: A503

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 20

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Trần @ Tuấn

Cán bộ coi thi 2

Phan Kim Ngân

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Vấn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123060180	Huỳnh Tuấn An	23/08/2005	CCQ2306A							0,0		
2	2122200112	Nguyễn Thị Kim Ánh	03/07/2003	CCQ2220D	11	Ánh	5,0	Ánh	5,0	5,0	9,6	6,8	
3	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/12/2005	CCQ2306A	12	Ánh	5,2	Ánh	5,8	5,5	9,8	7,2	
4	2123060105	Nguyễn Hữu Bách	17/10/2005	CCQ2306A	10	Bách	5,1	Bách	3,6	4,4	9,7	6,5	
5	2123060183	Võ Thái Bình	02/01/2005	CCQ2306A	12	Bình	9,5	Bình	7,9	8,7	10,0	9,2	
6	2123060025	Hoàng Ngọc Bộ	29/11/2005	CCQ2306A	09	Bộ	8,9	Bộ	7,4	8,2	9,9	8,9	
7	2123060038	Tân Ngọc Thanh Châu	29/07/2005	CCQ2306A	10	Châu	8,5	Châu	7,8	8,2	8,9	8,5	
8	2123290018	Nguyễn Thị Kim Chi	08/04/2005	CCQ2329A	10	Chi	6,1	Chi	7,0	6,6	9,5	7,8	
9	2123060012	Nguyễn Văn Công	03/12/2005	CCQ2306A	09	Công	6,0	Công	7,0	6,5	9,3	7,6	
10	2123060050	Cao Thành Danh	23/11/2005	CCQ2306A	09	Danh	7,0	Danh	1,0	4,0	9,3	6,1	
11	2123060113	Nguyễn Tấn Đạt	23/06/2005	CCQ2306A	11	Dat	6,9	Dat	6,0	6,5	9,1	7,5	
12	2121030164	Nguyễn Văn Đức	08/12/2003	CCQ2103C	10	Đức	9,5	Đức	5,5	7,5	6,8	7,2	
13	2123060108	Võ Trần Đông Duy	11/06/2005	CCQ2306A	12	Duy	8,4	Duy	2,9	5,7	7,2	6,3	
14	2123060193	Đặng Cao Hiếu	22/09/2004	CCQ2306A	11	Hiếu	7,2	Hiếu	1,0	4,1	9,0	6,1	
15	2121030103	Ngô Thanh Hòa	19/02/2003	CCQ2103C	12	Hòa	6,0	Hòa	6,5	6,3	7,6	6,8	
16	2123060224	Phạm Việt Hoàng	27/12/2005	CCQ2306A	09	Hoàng	5,8	Hoàng	5,9	5,9	9,2	7,2	
17	2123060208	Thái Nhật Hoàng	09/07/2005	CCQ2306A	11	Hoàng	5,5	Có thi	4,7	5,1	6,8	5,8	
18	2123060173	Hoàng Lưu Tấn Huy	04/04/2005	CCQ2306A							0,0		
19	2123060076	Nguyễn Đức Huy	09/12/2005	CCQ2306A									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thủy

22

Môn học: Anh văn 1 (22400308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: A503

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 20

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Trần A. Lưu

Cán bộ coi thi 2

Phan Kim Ngân

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123060127	Đặng Anh	Khoa	15/08/2004	CCQ2306A	11	Khoa	6,9	Khoa	3,3	5,1	7,7	6,1	
21	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	CCQ2329A	10	Mỹ	7,7	Mỹ	8,7	8,2	9,6	8,8	
22	2123290006	Võ Bùi Mai	Ly	09/04/2005	CCQ2329A							0,0		
23	2123060160	Nguyễn Hồ Thanh	Nhã	23/03/2005	CCQ2306A							0,0		
24	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	CCQ2329A	09	Nhân	7,8	Nhân	8,5	8,2	10,0	8,9	
25	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	CCQ2329A	09	Nhi	8,6	Nhi	8,8	8,7	9,9	9,2	

H: 0
Đ: 21

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Thủy

Môn học: Anh văn 1 (22400308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: A505 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 21

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	CCQ2329A	AV1-11		5,8		6,6	6,2	8,1	7,0	
2	2123060086	Hồ Văn	Nhuận	01/10/2005	CCQ2306A	AV1-09		5,4		6,4	5,9	8,6	7,0	
3	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	CCQ2329A	AV1-10		5,7		4,0	4,9	7,2	5,8	
4	2123060200	Lê Văn	Phi	30/10/2005	CCQ2306A	AV1-11		6,9		6,7	6,8	8,4	7,4	
5	2123060065	Hoàng Công	Phong	13/04/2005	CCQ2306A	AV1-10		7,4		8,4	7,9	9,4	8,5	
6	2123060002	Hồ Hoàng	Phúc	12/03/2005	CCQ2306A	AV1-12		8,9		8,0	8,5	7,6	8,1	
7	2121170577	Nguyễn Anh	Phúc	13/07/2003	CCQ2117Q							0,0		
8	2123180028	Trần Ngọc	Quý	04/02/2005	CCQ2318A	AV1-09		7,1		3,1	5,1	7,5	6,1	
9	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	30/01/2005	CCQ2329A	AV1-10		10,0		9,2	9,6	10,0	9,8	
10	2123060080	Lê Mạnh	Quỳnh	16/07/2005	CCQ2306A	AV1-09		3,7		4,4	4,1	7,2	5,3	
11	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	CCQ2329A	AV1-11		8,5		8,9	8,7	7,4	8,2	
12	2123060022	Lê Hoàng	Thắng	11/01/2005	CCQ2306A	AV1-12		6,4		4,5	5,5	8,7	6,8	
13	2123060201	Phạm Quang	Thành	08/12/2005	CCQ2306A	AV1-09		6,8		6,5	6,7	9,0	7,6	
14	2123060150	Phạm Như	Thảo	27/01/2005	CCQ2310F	AV10		6,5		6,2	6,4	7,6	6,9	
15	2121170301	Trần Văn	Thật	29/10/2003	CCQ2117I							0,0		
16	2123060175	Nguyễn Văn	Thịnh	07/01/2005	CCQ2306A	AV1-12		6,6		4,5	5,6	5,7	5,6	
17	2121190149	Nguyễn Minh	Tiến	14/02/2002	CCQ2119C	AV1-11		7,6		7,0	7,3	7,6	7,4	
18	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	CCQ2306A	AV1-12		9,8		9,7	9,8	10,0	9,9	
19	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	CCQ2329A	AV1-12		4,7		6,0	5,4	8,5	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Thuý

(25)

Môn học: Anh văn 1 (22400308)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: A505 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 21

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	CCQ2329A	AV1-09	<i>[Signature]</i>	3,2	<i>[Signature]</i>	4,2	3,7	8,2	5,5	
21	2121030084	Huỳnh Ngọc	Tuấn	26/10/2003	CCQ2103C	AV1-14	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	7,1	7,0	7,2	7,1	
22	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	CCQ2329A	AV1-10	<i>[Signature]</i>	5,0	<i>[Signature]</i>	8,7	6,9	7,4	7,1	
23	2123290019	Võ Thành	Văn	05/09/2005	CCQ2329A							0,0		
24	2123060017	Nguyễn Xuân	Vinh	10/10/2005	CCQ2306A									
25	2123060013	Nguyễn Xuân	Vũ	06/12/2005	CCQ2306A	AV1-11	<i>[Signature]</i>	3,6	<i>[Signature]</i>	4,2	3,9	8,0	5,5	

H: 06
Đ: 12

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400309)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: A506

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2121270120	Nguyễn Tấn Anh	28/04/2003	CCQ2127D						Cấm thi	0,0		
2	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A	12	Cảnh	3,7	Cảnh	4,0	2,4	5,2	3,5	
3	2123150044	Lê Đình Chương	15/05/2005	CCQ2315B	10	Chương	5,9	Chương	6,7	6,3	6,4	6,3	
4	2123150009	Trần Thành Danh	07/03/2005	CCQ2315A						Cấm thi			
5	2123150031	Lê Thành Đạt	13/11/2005	CCQ2315A						Cấm thi			
6	2123150002	Nguyễn Bá Đạt	08/05/2003	CCQ2315B	11	Đạt	8,2	Đạt	8,9	8,6	8,9	8,7	
7	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến Đạt	05/02/2005	CCQ2315B	11	Đạt	5,3	Đạt	6,7	6,0	6,4	6,2	
8	2123150054	Trần Thành Đạt	19/05/2005	CCQ2315B	10	Đạt	4,6	Đạt	6,2	5,4	6,6	5,9	
9	2121190145	Châu Nữ Mỹ Đình	15/07/2003	CCQ2119B	11	Đình	8,2	Đình	7,3	7,8	8,8	8,2	
10	2123150043	Huỳnh Quốc Duy	11/09/2003	CCQ2315B	10	Duy	2,6	Duy	5,7	4,2	6,1	5,0	
11	2123150010	Trần Khánh Duy	26/08/2005	CCQ2315A						Cấm thi			
12	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	14/06/2005	CCQ2315A	09	Duy	4,3	Duy	6,9	5,6	7,3	6,3	
13	2123120660	Hồ Gia Hải	09/02/2005	CCQ2312K	10	Hải	3,7	Hải	4,0	3,9	5,5	4,5	
14	2123120667	Lê Minh Hào	16/01/2005	CCQ2312K	10	Hào	4,3	Hào	0	2,2	6,0	3,7	
15	2123150050	Phạm Ngọc Hiền	14/03/2005	CCQ2315B	11	Hiền	4,0	Hiền	0	2,0	4,2	2,9	
16	2123150035	Trần Minh Hồ	06/05/2005	CCQ2315A						Cấm thi			
17	2123150059	Nguyễn Minh Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B	09	Hoàn	6,9	Hoàn	8,5	7,7	7,8	7,7	
18	2123150040	Phạm Văn Minh Hoàng	08/10/2005	CCQ2315B						Cấm thi			
19	2123150019	Lê Văn Hưng	13/01/2005	CCQ2315A	09	Hưng	6,5	Hưng	6,1	6,3	7,2	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400309)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: A506

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120722	Trịnh Sông	Hương	26/04/2005	CCQ2312L						Cấm thi	0,0	0	
21	2123150064	Nguyễn Kim	Huy	26/01/2005	CCQ2315B	11	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	7,5	0	5,0	2,0	
22	2123120725	Trương Nguyễn Mai	Huy	09/03/2005	CCQ2312L	11	<i>[Signature]</i>	8,6	<i>[Signature]</i>	7,5	8,1	8,7	8,3	
23	2123120610	Lê Nhị	Khang	13/05/2005	CCQ2312K	12	<i>[Signature]</i>	8,8	<i>[Signature]</i>	5,5	7,2	8,9	7,9	
24	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A	12	<i>[Signature]</i>	5,5	<i>[Signature]</i>	5,0	5,3	4,8	5,1	
25	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A	12	<i>[Signature]</i>	3,9	<i>[Signature]</i>	5,2	4,6	5,3	4,9	

H: 05
Đ: 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Hòa

Môn học: Anh văn 1 (22400309)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: B101

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123150033	Phạm Văn Minh	20/09/2004	CCQ2315A						Cấm thi			
2	2123120649	Nguyễn Thị Mỹ	26/01/2005	CCQ2312K	09		9,1		9,3	9,2	9,2	9,2	
3	2123150070	Lê Hoài Nam	05/10/2005	CCQ2315B	10		6,6		3,7	5,2	6,0	5,5	
4	2123120635	Lê Thị Tuyết Ngọc	14/01/2005	CCQ2312K	11		9,3		9,1	9,2	9,4	9,3	
5	2123120662	Hồ Thị Thu Nguyệt	04/03/2005	CCQ2312K	12		5,1		2,6	3,9	4,8	3,3	
6	2123120665	Huỳnh Trọng Nhân	03/04/2005	CCQ2312K	11		4,9		4,4	4,7	5,3	4,9	
7	2123150058	Nguyễn Như Phát	01/01/2005	CCQ2315B	12		6,5		5,6	6,1	7,7	6,7	
8	2123150012	Vô Văn Phát	07/07/2005	CCQ2315A	09		3,6		6,6	5,1	7,1	5,9	
9	2123150060	Huỳnh Nhựt Phong	19/08/2005	CCQ2315A	10		4,9		4,2	4,6	6,3	5,3	
10	2123150005	Đỗ Văn Phú	05/10/2005	CCQ2315A	11		6,6		6,4	6,5	8,2	7,2	
11	2123150027	Lê Văn Quynh	01/01/2004	CCQ2315A	12		4,7		3,4	4,1	5,8	4,8	
12	2123150051	Huỳnh Tấn Sanh	17/09/2005	CCQ2315B	09		8,4		0	4,2	4,7	4,4	
13	2123150047	Phạm Đăng Sơn	29/03/2005	CCQ2315B	10		4,9		6,6	5,8	6,8	6,2	
14	2121060042	Tô Văn Sơn	01/02/2003	CCQ2106B	11		4,8		4,2	4,5	5,8	5,0	
15	2123150046	Phan Thành Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B	11		6,5		3,2	4,9	6,2	5,4	
16	2123150057	Bùi Đức Tài	15/10/2004	CCQ2315B	10		5,5		3,6	4,6	6,3	5,3	
17	2122190161	Phạm Duy Tân	12/01/2004	CCQ2219C	12		5,5		3,3	4,4	6,2	5,6	
18	2123150062	Nguyễn Minh Thắng	23/10/2005	CCQ2315B	09		6,2		2,5	4,4	5,5	4,8	
19	2123150039	Phạm Đình Thuận	23/08/2005	CCQ2315B						Cấm thi			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

25

C. Hòa

Môn học: Anh văn 1 (22400309)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: B101 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

[Signature]

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]
Phạm Văn Mạnh

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị Nguyệt Hòa

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Thị Hòa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123150098	Nguyễn Tân	Tiến	31/08/2003	CCQ2315A					Cấm thi	0,0		
21	2123150041	Nguyễn Ngọc	Toàn	06/11/2005	CCQ2315B	12	Tân 8,0	Toàn	3.1	5.6	5,5	5.5	
22	2123150038	Trào Công	Trình	20/10/2005	CCQ2315B	12	TRÌNH 6,4	TRÌNH	3.3	4.9	5,4	5.4	
23	2123150032	Phạm Quang	Trương	01/01/2005	CCQ2315A	09	Ph 8,5	Ph	4.4	6.5	7,7	7.0	
24	2123120671	Hồ Minh	Tuấn	20/12/2002	CCQ2312K					Cấm thi	0,0		
25	2123120650	Lê Kiều	Vy	12/07/2005	CCQ2312K	10	vy 6,4	vy	7.5	7.0	7,9	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 17
H: 01

26

Môn học: Anh văn 1 (22400310)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: B102 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140114	Trần Ngọc Tú	Anh	10/08/2005	CCQ2314C	09		64		7,0	6,7	6,4	66	
2	2123140095	Hồ Đình Duy	Bằng	13/06/2005	CCQ2314C						Cấm thi	0,0	/	
3	2123230013	Lê Dương Hoàng	Cần	26/01/2005	CCQ2323A						Cấm thi	0,0	/	
4	2123230028	Hoàng Mạnh	Cường	17/09/2005	CCQ2323A	11		63		7,4	6,9	8,3	75	
5	2123140109	Lâm Quốc	Cường	21/07/2003	CCQ2314C							3,7		
6	2123150074	Vũ Huy	Đà	23/03/2005	CCQ2315C	10		91		7,2	8,2	9,5	87	
7	2123150087	Dương Thanh	Đan	03/02/2003	CCQ2315C	12		90		8,9	9,0	7,4	84	
8	2123150088	Nguyễn Trần Hữu	Đanh	28/03/2005	CCQ2315C						Cấm thi	0,0	/	
9	2123230029	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/2005	CCQ2323A	09		96		8,5	9,1	8,0	87	
10	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	28/08/2005	CCQ2315C	12		36		5,7	4,7	7,1	57	
11	2123230011	Nguyễn Tấn	Dũng	11/10/2005	CCQ2323A	12		46		5,0	4,8	6,0	53	
12	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	08/07/2005	CCQ2315C	10		87		7,8	8,3	9,0	86	
13	2123140076	Nguyễn Hồ Tấn	Duy	29/01/2004	CCQ2314C	12		61		4,0	5,1	8,3	64	
14	2123150090	Phạm Thế	Duy	05/12/2005	CCQ2315C	11		64		6,7	6,6	7,6	70	
15	2123230017	Võ Khánh	Duy	08/07/2005	CCQ2323A	12		47		4,1	4,4	8,0	58	
16	2123150082	Võ Tùng	Duy	24/04/2005	CCQ2315C	10		72		7,3	7,3	6,9	71	
17	2123230021	Lê Phùng	Giáp	12/12/2004	CCQ2323A	11		48		4,3	4,8	7,2	56	
18	2121170199	Nguyễn Quốc	Hải	25/08/2003	CCQ2117F						Cấm thi			
19	2123230016	Nguyễn Văn	Hạnh	06/05/2004	CCQ2323A	09		57		5,0	5,4	4,2	49	

26

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400310)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18
Phòng thi: B102 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18
Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 1
Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123150096	Trần Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C	09		69		7,4	72	5,9	67	
21	2123140084	Trần Võ	25/06/2005	CCQ2314C	22		49		5,5	52	5,2	52	
22	2123150083	Nguyễn Xuân	29/12/2005	CCQ2315C	11		96		8,6	91	9,7	93	
23	2123230009	Lê Huỳnh Quốc	06/09/2005	CCQ2323A						Cấm thi	0,0	/	
24	2123230024	Trần Bảo	08/08/2005	CCQ2323A						Cấm thi	0,0	/	
25	2123140083	Võ Thái	25/05/2005	CCQ2314C	10		47		6,1	54	8,1	65	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 17

H: 01

C. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400310)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: B103

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123150092	Nguyễn Hoàng Bảo	Khanh	07/03/2005	CCQ2315C				Thanh	8,9	0	8,2	3,3	
2	2123150099	Bùi Tấn	Lộc	02/09/2003	CCQ2315C	09	16c	6,1	Có thi	5,5	5,8	5,0	5,5	
3	2123150093	Lê Quyền	Luận	11/03/2005	CCQ2315C						Cấm thi		/	
4	2123150086	Tăng Trung	Minh	18/09/2005	CCQ2315C	12	Ch	4,9	Ch	4,1	4,5	6,7	5,4	
5	2123230032	Đặng Hoàng	Nam	08/02/2002	CCQ2323A						Cấm thi		/	
6	2123230002	Huỳnh Tấn	Nam	14/06/2005	CCQ2323A	11	Nam	5,2	Nam	3,2	4,2	7,2	5,4	
7	2123230018	Nguyễn Phương	Ngọc	19/04/2005	CCQ2323A	11	Ngoc	5,2	Ngoc	5,2	5,2	5,8	5,4	
8	2123140102	Nguyễn Hiếu	Nguyễn	18/02/2005	CCQ2314C	12	Nguyễn	6,3	Nguyễn	5,5	5,9	5,7	5,8	
9	2122210015	Huỳnh Tỏ	Như	10/05/2003	CCQ2221A	10	Ch	4,5	Ch	8,9	6,7	8,4	7,4	
10	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CCQ2315C	11	Phú	4,8	Phú	4,0	4,4	8,5	6,0	
11	2123230003	Dương Công	Quang	23/08/2005	CCQ2323A	09	Quang	5,7	Quang	6,1	5,9	8,1	6,8	
12	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CCQ2315C	10	Quyên	7,4	Quyên	8,6	8,0	9,0	8,4	
13	2123230012	Hồ Xuân	Sáng	12/10/2005	CCQ2323A						Cấm thi	0,0	/	
14	2123150089	Cao Tấn	Tài	16/01/2005	CCQ2315C	10	Tài	5,8	Tài	6,7	6,3	8,3	7,1	
15	2123230008	Nguyễn Nhân	Tâm	07/11/2005	CCQ2323A	09	Tâm	7,0		8,2	7,6	6,6	7,2	
16	2121140192	Nguyễn Ngọc	Thái	08/06/2003	CCQ2111F						Cấm thi	0,0	/	
17	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	10	Thiện	8,0	Thiện	7,7	7,9	8,3	8,1	
18	2123150085	Trần Quốc	Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C	12	Thịnh	6,3	Thịnh	8,7	7,5	7,8	7,6	
19	2122120467	Lê Phi Công	Thúc	06/06/2004	CCQ2212N						Cấm thi	0,0	/	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400310)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 18

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123150091	Nguyễn Xuân	Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C	11	<i>ch</i>	56	<i>ch</i>	3,8	4,7	6,7	5,5	
21	2123230033	Trần Trọng	Trí	22/02/2005	CCQ2323A						<i>Cấm thi</i>	0,0	/	
22	2123150077	Nguyễn Phan Bảo	Trọng	21/07/2005	CCQ2315C	12	Trọng	75	Trọng	8,4	8,0	6,7	7,5	
23	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyền	13/05/2004	CCQ2315C	11	<i>Ng</i>	57	<i>Ng</i>	6,6	6,2	6,8	6,4	
24	2123230030	Nguyễn Quốc	Vinh	01/01/2005	CCQ2323A						<i>Cấm thi</i>	0,0	/	
25	2123230001	Lê Thanh	Vỹ	25/10/2005	CCQ2323A	09	<i>Bỹ</i>	50	<i>Bỹ</i>	7,2	6,1	7,9	6,8	

Rớt: 3
Đầu: 16

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(28)

C. Kim Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400311)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Bùi Thị Huệ

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170004	Vương	An	10/12/2002	CCQ2317A	AV1-09		6.8		5.3	6.1	7.3	6.6	
2	2123120663	Nguyễn Tuấn	Anh	29/10/2005	CCQ2312K							0.0		
3	2123170003	Trần Gia	Bảo	26/10/2004	CCQ2317A	AV1-11	Bảo	3.1		4.7	3.9	7.5	5.3	
4	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	CCQ2317B	10	Bình	2.7	Bình	0.0	1.4	7.0	3.6	
5	2123180012	Nguyễn Đức	Cánh	11/07/2005	CCQ2318A	12	Cánh	6.4	Cánh	5.7	6.1	8.2	6.9	
6	2123170026	Lê Văn	Chi	25/03/2005	CCQ2317A							0.0		
7	2123170005	Lê Trung	Chiến	13/03/2003	CCQ2317A	12	Chiến	6.2	Chiến	6.0	6.1	7.5	6.7	
8	2123060096	Nguyễn Quốc	Chiến	28/01/2004	CCQ2306A	AV1-12	Chiến	6.9	Chiến	7.3	7.1	7.7	7.3	
9	2123120636	Trần Quốc	Chương	07/02/2005	CCQ2312K	AV1-12	Chương	4.7	Chương	4.2	4.5	7.4	5.7	
10	2123170002	Trần Văn	Chương	27/01/2004	CCQ2317A	AV1-10	Chương	5.9	Chương	4.6	5.3	8.0	6.4	
11	2123170006	Nguyễn Duy	Danh	30/09/2002	CCQ2317A	11	Danh	8.9	Danh	8.6	8.8	8.2	8.6	
12	2123170028	Đặng Ngô Quốc	Đạt	07/03/2005	CCQ2317A									
13	2123170025	Hoàng Tấn	Đức	10/07/2005	CCQ2317A	09	Đức	4.8	Đức	2.7	3.8	7.9	5.4	
14	2123170034	Trần Trọng	Đức	08/04/2005	CCQ2317A	10	Đức	4.3	Đức	3.7	4	7.6	5.4	
15	2123170069	Phan Phương Triều	Dũng	11/08/2005	CCQ2317B	10	Dũng	4.3	Dũng	4.4	4.4	7.4	5.6	
16	2123170045	Phạm Minh	Hậu	05/06/2005	CCQ2317B	11	Hậu	4.1	Hậu	3.4	3.8	6.8	5.0	
17	2123170019	Lăng Thanh	Hóa	29/09/2005	CCQ2317A									
18	2123170022	Đặng Ngọc Huy	Hoàng	28/04/2003	CCQ2317A							0.0		
19	2123170021	Hoàng Phi	Hùng	12/03/2005	CCQ2317A							0.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(28)
C. Kim Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400311)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 28

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123060182	Nguyễn Văn	Hùng	27/12/2002	CCQ2306A	11	hùng	5.1	hùng	6.0	5.6	7.8	6.5	
21	2123170007	Lê Nguyễn Đình	Khang	20/04/2002	CCQ2317A	09	kh	5.9	kh	3.4	4.7	8.6	6.3	
22	2123170058	Lê Hải	Linh	18/06/2005	CCQ2317B						0.0			
23	2123170009	Phùng Ngọc	Lượng	15/09/2004	CCQ2317A	09	lượng	5.1	lượng	2.0	3.6	7.5	5.2	
24	2123170001	Trần Phú	Mạnh	06/10/2002	CCQ2317A	12	ph	3.1	ph	1.7	2.4	7.1	4.3	
25	2123170052	Diệp Gia	Minh	26/01/2005	CCQ2317B	09	ng	4.4				6.5	3.9	
26	2123170053	Nguyễn Chi	Ngà	20/04/2005	CCQ2317B	10	ng	6.0	ng	5.6	5.8	7.9	6.6	

Kết: 3
Điểm: 17

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

29

C. Kim Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400311)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: B105

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170029	Nguyễn Trương Văn	Nhân	03/03/2004	CCQ2317A							0,0		
2	2123170014	Đặng Lê Minh	Nhật	22/06/1997	CCQ2317A	09	ck	54	ck	6,9	6.2	7.4	6.7	
3	2123170015	Phan Nguyễn Hoàng	Như	24/04/2004	CCQ2317A							0,0		
4	2123180063	Nguyễn Minh	Quân	04/03/2005	CCQ2318B	11	q	7.9	q	5.7	6.8	7.8	7.2	
5	2123170016	Nguyễn Kiến	Quốc	13/11/2005	CCQ2317A	12	Quoc	6.0	Quoc	5.3	5.7	6.9	6.2	
6	2123170051	Ab Dol Ko	Siêm	29/07/2005	CCQ2317B	09	Siem	3.5	Siem	5.9	4.7	8.2	6.1	
7	2123170063	Nguyễn Hoàng	Son	12/04/2005	CCQ2317B	10	Son	5.2	Son	3.9	4.6	7.5	5.8	
8	2123170656	Chau Na	Sone	27/10/2005	CCQ2317B	11	Na	4.2	Na	2.0	2.1	7.2	4.1	
9	2123170017	Tăng Thế	Tài	30/04/2005	CCQ2317A	12	Tai	5.1	Tai	4.3	4.7	6.9	5.6	
10	2123170050	Đào Minh	Tâm	29/10/2005	CCQ2317B	10	Dao	4.9	Dao	5.3	5.1	8.1	6.3	
11	2123170643	Phạm Thanh Thanh	Tâm	20/02/2005	CCQ2317A									
12	2123170065	Phan Quang	Thạch	24/09/2005	CCQ2317B	11	Thach	4.7	Thach	1.9	3.3	7.4	4.9	
13	2123170027	Phùng Thanh	Thần	29/01/2005	CCQ2317A							0.0		
14	2123170036	Phạm Văn	Thạnh	31/07/2005	CCQ2317A							6.0	2.4	
15	2122170538	Nguyễn Ngọc	Thịnh	24/10/2004	CCQ2217N	12	Thinh	5.7	Thinh	6.3	6	6.9	6.4	
16	2123170060	Đinh Vũ Quang	Thuận	18/05/2005	CCQ2317B	11	Thuan	6.9	Thuan	7.3	7.1	9.1	7.9	
17	2123170048	Trần Nguyễn Hoàng	Tiến	22/02/2005	CCQ2317B	12	Tien	5.9	Tien	6.8	6.4	7.9	7.0	
18	2123170008	Nguyễn Minh	Toán	31/07/2004	CCQ2317A	09	Toan	6.0	Toan	8.6	7.3	9.1	8.0	
19	2123170041	Hồ Hoàng	Trọng	09/07/2005	CCQ2317B	10	Trong	3.0	Trong	5.4	4.2	7.4	5.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

(29)
C. Kim Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400311)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: B105 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 20

Phòng thi: 1D5-3.1 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170015	Nguyễn Văn	Trường	09/08/2005	CCQ2317A	11		6.2		8.4	7.3	9.0	8.0	
21	2123170070	Bùi Văn	Tú	18/01/2004	CCQ2317B	09		3.1		1.6	2.4	7.5	4.4	
22	2123180065	Nguyễn Thanh	Tú	05/11/2005	CCQ2318B	09	Tú	3.3	Tú	5.0	4.2	7.6	5.6	
23	2123170032	Bùi Hữu	Tùng	10/08/2005	CCQ2317A	10	Tùng	5.0	Tùng	5.4	5.2	7.7	6.2	
24	2123170056	Hà Sơn	Tường	07/06/2003	CCQ2317B	11		4.4		5.5	5.0	8.4	6.4	
25	2123170059	Đinh Vỹ	Văn	26/04/2005	CCQ2317B							0.0		
26	2123170038	Bùi Gia	Vĩ	30/01/2005	CCQ2317B	09		7.2		4.3	5.8	8.5	6.9	
27	2123170061	Đoàn Long	Vũ	02/05/2004	CCQ2317B							0.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400312)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-2F

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Xuân Vũ

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Lê Phan Thủy

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
Hồng Nhung Hoàng

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Phạm Thị Thu

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Nguyễn N. Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170092	Nguyễn Lê Quốc An	26/11/2005	CCQ2317C	11		3.9		3.5	3,7	6,7	4,9	
2	2123170104	Trần Ngọc An	22/10/2005	CCQ2317C	12		4.0		6.0	5,0	7,5	6,0	
3	2123170078	Trần Đăng Bảo	26/02/2005	CCQ2317C						0			
4	2123170125	Vy Đình Bảo	03/08/2005	CCQ2317D						0			
5	2121120008	Trần Thị Trúc Chi	02/04/2003	CCQ2112A	11	Chi	5.5	Chi	8.6	7,1	8,8	7,8	
6	2123170137	Nguyễn Kim Đô	21/09/2005	CCQ2317D	12	Đô	4.5		5.1	4,8	6,8	5,6	
7	2123170136	Đặng Bá Quý Em	03/03/2005	CCQ2317D	09	Em	4.6	Em	2.4	3,5	5,8	4,4	
8	2123170083	Vũ Xuân Giang	12/04/2005	CCQ2317C							0,0		
9	2123170079	Huỳnh Hải	30/06/2005	CCQ2317C									
10	2123170097	Vũ Trần Đức Hải	14/03/2005	CCQ2317C									
11	2122140049	Nguyễn Xuân Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B	09	Hoàng	5.4		7.4	6,4	7,3	6,8	
12	2122100064	Trịnh Thị Kim Huệ	07/10/2004	CCQ2210B	10	Huê	4.9		6.3	5,6	8,1	6,6	
13	2123170103	Trần Quốc Hùng	11/10/2005	CCQ2317C									
14	2123170647	Vòng Cẩm Hưng	07/07/2005	CCQ2317D	12	Hưng	4.8	Hưng	0	2,4	6,0	3,8	
15	2123170122	Trương Trần Hoàng Huy	30/12/2005	CCQ2317D	09		6.2		6.6	6,4	7,6	6,9	
16	2123170128	Phạm Xuân Huỳnh	25/08/2005	CCQ2317D	10	Huỳnh	5.3	Huỳnh	4.0	4,7	7,5	5,8	
17	2123170120	Dương Minh Kha	19/11/2005	CCQ2317D	11	Kha	4.5		6.0	5,3	6,7	5,9	
18	2121120004	Lạc Thị Diễm Kha	09/01/2003	CCQ2112A	12	Kha	5.1	Kha	8.6	6,9	8,8	7,7	
19	2123170075	Lê Hoàng Khải	20/01/2005	CCQ2317C	09	Kh	5.0		5.5	5,3	6,4	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

(30)

Môn học: Anh văn 1 (22400312)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 15

Phòng thi: B106 Số tờ giấy thi: 15

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170646	Nguyễn Duy Khánh	20/12/2005	CCQ2317D									
21	2123170054	Đổng Nhật Anh	05/01/2005	CCQ2317C									
22	2123170076	Lý Tuấn	07/03/2005	CCQ2317C									
23	2122100051	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	25/02/2004	CCQ2210B	09	Lam	5.4	Lam	7.2	6.3	9,0	2,4
24	2123170121	Võ Châu	Lim	18/06/2005	CCQ2317D	10	Chau	3.7	Chau	5.8	4.8	6,4	5,4
25	2123170096	Nguyễn Nhật	Linh	18/02/2005	CCQ2317C								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ. K
h. C5

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400312)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: B107 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 35/20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 20

Nguyễn Khắc
Thị Lê

Thị Lê

Nguyễn Ngọc Châu
Thường Hoàng

Thường Hoàng

Phạm Thị Thu

Nguyễn Ngọc Châu

NN Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122100072	Tô Thị Phương	Loan	20/03/2004	CCQ2210B	09	Loan	6.1	Loan	8.4	7.3	9.2	8.1	
2	2123170110	Phạm Viết	Long	20/12/2003	CCQ2317D	AV1-10	Phạm	4.4	Phạm	5.2	4.8	6.9	5.6	
3	2123170081	Nguyễn Đức	Mạnh	25/11/2005	CCQ2317C									
4	2123170089	Trần Công	Minh	30/01/2005	CCQ2317C	AV1-10	Trần	4.2	Trần	5.8	5.0	7.7	6.1	
5	2122100049	Phan Trịnh My	My	27/12/2004	CCQ2210B	AV1-11	My	4.1	My	7.6	5.9	8.8	7.1	
6	2123170095	Lâu Kỳ	Nghiệp	18/11/2004	CCQ2317C									
7	2123170102	Đặng Nguyễn Tuấn	Phát	26/09/2005	CCQ2317C							0.0		
8	2122100297	Lê Phan Tiểu	Phụng	18/05/2004	CCQ2210LA	AV1-12	Phụng	3.0	Phụng	6.2	4.6	6.6	5.4	
9	2123170080	Phạm Minh	Quân	26/03/2005	CCQ2317C	AV1-11	Quân	2.7	Quân	2.4	2.6	6.4	4.1	
10	2123170114	Nguyễn Đăng	Quý	28/06/2005	CCQ2317D	AV1-12	Quý	5.6	Quý	6.1	5.9	6.9	6.3	
11	2123170139	Nguyễn Huy	Quý	16/01/2005	CCQ2317D	AV1-11	Quý	6.0	Quý	5.3	5.7	7.5	6.4	
12	2123170135	Nguyễn Văn	Quý	12/04/2005	CCQ2317D	AV1-10	Quý	4.2	Quý	4.6	4.4	6.4	5.2	
13	2123170074	Võ Thanh	Sơn	31/07/2005	CCQ2317C	AV1-09	Sơn	4.6	Sơn	6.6	5.6	7.5	6.4	
14	2123110053	Nguyễn Thành	Thái	23/11/2005	CCQ2317C	AV1-10	Thái	3.2	Thái	7.7	5.5	7.3	6.2	
15	2123170652	Nguyễn Nhật	Thành	28/08/2005	CCQ2317C	AV1-11	Thành	3.8	Thành	5.2	4.5	6.5	5.3	
16	2123170100	Lê Hoàng Vinh	Thuy	29/07/2005	CCQ2317C	AV1-09	Thuy	3.8	Thuy	6.4	5.1	7.2	5.9	
17	2123170105	Dương Hoàng Trọng	Trí	11/03/2005	CCQ2317C	AV1-11	Trí	5.6	Trí	5.1	5.4	6.7	5.9	
18	2123170116	Trần Quang	Trí	24/02/2005	CCQ2317D	VV1-12	Trí	4.2	Trí	3.8	4.0	5.8	4.7	
19	2123170090	Nguyễn Bảo	Trọng	12/03/2005	CCQ2317C									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400312)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: B107 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Khắc

Nguyễn Thị Liên

Nguyễn Ngọc Châu

Trần Thị Hoàng

Trần Thị Hoàng

NN Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170098	Phan Hữu	Trọng	17/04/2005	CCQ2317C	AV-12	Trọng	3.4	Trọng	3.2	3.3	5,8	4,3	
21	2123170101	Nguyễn Văn	Trung	16/10/2004	CCQ2317C	AV-11	Trung	5.0	Trung	1.2	3.1	7,1	4,7	
22	2123170088	Phan Văn	Trung	31/10/2005	CCQ2317C	AV-10	Trung	4.0	G' thi	0.0	2.0	6,0	3,6	
23	2123170645	Võ	Vĩ	24/01/2005	CCQ2317C									
24	2123170119	Đoàn Phi	Vũ	03/01/2005	CCQ2317D	AV-10	Phi	4.5	Phi	6.0	5.3	8,5	6,6	
25	2123170084	Trần Quang	Vũ	22/11/2005	CCQ2317C	AV-09	Vu	6.3	Vu	5.3	5.8	8,5	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 11
H: 05

C. Lê Thảo

32

Môn học: Anh văn 1 (22400313)

Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 16

Phòng thi: B108

Số tờ giấy thi: 16

Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 16

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170152	Lê	Cương	06/11/2005	CCQ2317E	09	Cương	4,1	Cương	6.0	5,1	6,7	5,7	
2	2123170189	Đỗ Nguyễn Thế	Cường	06/03/2005	CCQ2317F							0,0		
3	2121150032	Lê Văn	Cường	28/09/2003	CCQ2115A	09	Cường	5,6	Cường	7.0	6,3	7,6	6,8	
4	2123170158	Lê Khả	Đạt	29/08/2005	CCQ2317E	12	Đạt	5,0	Đạt	1,5	3,3	4,6	3,8	
5	2123170174	Nguyễn Công	Đạt	25/11/2005	CCQ2317E	09	Đạt	3,8	Đạt	4,7	4,3	6,6	5,2	
6	2123170208	Nguyễn Minh	Đạt	31/10/2005	CCQ2317F	12	Đạt	6,1	Đạt	1,5	3,8	6,4	4,8	
7	2123170167	Lê Nguyễn Anh	Đạt	24/08/2005	CCQ2317E							0,0		
8	2123170203	Nguyễn	Đông	11/07/2005	CCQ2317F	11	Đông	2,8	Đông	6,2	4,5	7,7	5,8	
9	2123170163	Bùi Hoàng	Hào	04/10/2005	CCQ2317E	10	Hào	3,1	Hào	5.0	4,1	7,0	5,3	
10	2123170183	Phan Văn	Hiền	26/08/2004	CCQ2317F									
11	2121130024	Não Nữ Thuyền	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	10	hoà	4,1	hoà	2.5	3,3	6,0	4,4	
12	2123170196	Trần Xuân	Hùng	24/09/2003	CCQ2317F	11	Hùng	3,0	Hùng	5.0	4,0	6,7	5,1	
13	2123170199	Nguyễn Văn	Hùng	06/06/2005	CCQ2317F	11	Hùng	4,7	Hùng	2,1	3,4	5,7	4,3	
14	2123170156	Vô Văn	Hùng	15/09/2005	CCQ2317E							0,0		
15	2123170193	Đặng Đức	Huy	02/05/2005	CCQ2317F	11	Đức	4,1	Đức	3,8	4,0	8,4	5,8	
16	2123170146	Trần Trung	Huy	28/03/2003	CCQ2317E							0,0		
17	2123170159	Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2005	CCQ2317E							0,0		
18	2123170141	Bùi Anh	Khôi	21/11/2005	CCQ2317E							0,0		
19	2123170147	Nguyễn Trung	Kiên	15/10/2005	CCQ2317E	12	Kiên	4,7	Kiên	7.5	6,1	7,5	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Lê Thảo

(3)

Môn học: Anh văn 1 (22400313)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 16

Phòng thi: B108

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 16

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170200	Phan Chí	Kiệt	19/09/2005	CCQ2317F	09		4,4		3,7	4,1	7,2	5,3	
21	2123170173	Trương Tuấn	Kiệt	14/09/2005	CCQ2317E							0,0		
22	2123170184	Ngô Quang	Linh	03/01/2005	CCQ2317F	09		5,8		4,0	4,9	8,3	6,3	
23	2123170154	Nguyễn Đức	Lương	18/01/2005	CCQ2317E							0,0		
24	2123170197	Ngô Đăng	Mạnh	26/11/2005	CCQ2317F	09		3,2		2,7	3,0	7,3	4,7	
25	2123170187	Lê Nhật	Nam	07/02/2005	CCQ2317F	09		7,7		8,0	7,9	8,3	8,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Độc: Anh văn 1 (22400313)

Viết:

thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

ti: 12g30 Số bài thi: 18

ph: B109 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 18

Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
2123170153	Nguyễn Thọ	Nam	28/02/2005	CCQ2317E							0,0		
2123170161	Bùi Văn Tấn	Phát	10/07/2005	CCQ2317E	12	Phát	4,3	Phát	7,4	5,9	7,7	6,6	
2123170150	Phạm Quốc	Phát	10/11/2005	CCQ2317E	1-1	Phát	6,2	Phát	3,4	4,8	6,7	5,6	
2123170207	Trần Quốc	Phong	23/11/2005	CCQ2317F	12	Phong	4,7				3,4		
2123170192	Nguyễn Phong	Phú	28/07/2005	CCQ2317F	11	Phú	6,8	Phú	5,1	6,0	4,8	5,5	
2123170142	Phạm Trọng	Phúc	18/03/2005	CCQ2317E	12	Phúc	3,4	Phúc	4,0	3,7	6,8	4,9	
2123170162	Trần Huy	Phúc	19/03/2005	CCQ2317E	10	Phúc	4,9	Phúc	5,3	5,1	6,2	5,5	
2123170180	Võ Ngọc	Phúc	25/10/2005	CCQ2317F	09	Phúc	4,6	Phúc	6,8	5,7	5,4	5,6	
2123170182	Lê Văn	Quý	03/10/2005	CCQ2317F							4,1		
2123170201	Võ Duy	Thanh	16/09/2005	CCQ2317F	09	Thanh	6,9	Thanh	6,0	6,5	8,6	7,3	
2123170190	Dương Nguyễn Hoàng	Thi	09/04/2004	CCQ2317F	10	Thi	5,2	Thi	2,9	4,1	7,3	5,4	
2123170186	Trần Phan Minh	Thiên	15/10/2005	CCQ2317F	09	Thiên	4,6	Thiên	4,3	4,5	7,0	5,5	
2123170165	Nguyễn Công	Thịnh	27/09/2005	CCQ2317E	09	Thịnh	2,1	Thịnh	4,7	3,4	6,7	4,7	
2123170145	Mai Ngọc	Tĩnh	03/02/2005	CCQ2317E	10	Tĩnh	2,0				5,1		
2123170143	Ngô Quang	Tĩnh	17/04/2005	CCQ2317E	09	Tĩnh	5,5	Tĩnh	5,3	5,4	7,4	6,2	
2123170649	Nguyễn Minh	Toàn	12/01/2005	CCQ2317F							0,0		
2123170198	Đinh Văn	Tri	03/04/2005	CCQ2317F	09	Tri	5,0	Tri	2,2	3,6	5,8	4,5	
2123170194	Nguyễn Nhật	Trí	12/02/2004	CCQ2317F							0,0		
2123170149	Nguyễn Thành	Trung	30/08/2005	CCQ2317E	03	Trung	2,9	Trung	2,9	2,9	5,9	4,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Lê Thảo

ôn học: Anh văn 1 (22400313)

Thi Viết:

gày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: B109 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Đào Thanh Sang

Châu Thị Ngân

Phan Thị Thu

Lê Thị Thanh

Phạm T. Đức

NTP Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170171	Lý Xuân	Trường	01/12/2005	CCQ2317E							3,0		
21	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	CCQ2317E							0,0		
22	2122210140	Bùi Văn	Ty	20/11/2004	CCQ2221F	11		3,7		4,2	4,0	5,7	4,7	
23	2123170166	Võ Duy Hân	Vĩnh	11/05/2005	CCQ2317E	12		5,6		5,1	5,4	6,9	6,0	
24	2123170181	Trần Nguyễn	Vũ	04/04/2005	CCQ2317F	11		4,1		4,2	4,2	6,7	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 13
H: 01

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400317)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 14

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 14

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 14

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	CCQ2310A	11	Quế	5,2	Quế	3,9	4,6	4,3	4,5	
2	2123100032	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2005	CCQ2310A						Cấm thi	0,0		
3	2123100302	Trịnh Tiến	Anh	30/08/2003	CCQ2310A						Cấm thi			
4	2123100056	Phạm Thị Ngọc	Bích	03/01/2002	CCQ2310B						Cấm thi			
5	2123100015	Phạm Thị Thanh	Bình	07/07/2005	CCQ2310A						Cấm thi			
6	2123100303	Hứa Quang	Chấn	15/07/2003	CCQ2310B						Cấm thi			
7	2123100020	Nguyễn Tấn	Đạt	02/10/2005	CCQ2310A						Cấm thi	0,0		
8	2123100063	Lương Quỳnh	Giao	22/06/2005	CCQ2310B	12	Giao	5,2	Giao	6,1	5,7	6,3	5,9	
9	2123100170	Đinh Thị	Hiền	10/11/2004	CCQ2310E	10	Hiền	4,6	Hiền	6,9	5,8	7,9	6,6	
10	2123100034	Võ Thị Ngọc	Hiền	03/09/2005	CCQ2310A						Cấm thi			
11	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	31/07/2005	CCQ2310E	09	Hiếu	6,0	Hiếu	8,0	7,0	8,2	7,5	
12	2123100044	Nguyễn Thanh	Hồng	18/08/2005	CCQ2310B						Cấm thi			
13	2123100162	Trần Thị Mỹ	Hồng	21/08/2005	CCQ2310E						Cấm thi	0,0		
14	2123100306	Lê Kim	Khánh	08/09/2005	CCQ2310A	10	Khánh	8,2	Khánh	8,1	8,2	7,7	8,0	
15	2123100157	Phan Thị Thuý	Linh	28/07/2005	CCQ2310E	09	Linh	6,7	Linh	7,0	6,9	8,6	7,6	
16	2122210079	Trần Thị Thanh	Mai	09/11/2004	CCQ2221C						Cấm thi	0,0		
17	2123100026	Âu Thanh	Ngân	13/12/2005	CCQ2310A	11	Ngân	7,7	Ngân	5,4	6,6	5,1	6,0	
18	2123100066	Đặng Trường	Nguyễn	20/07/2005	CCQ2310B	10	Nguyễn	9,6	Nguyễn	9,6	9,6	9,9	9,7	
19	2123100175	Dương Thị Hồng	Nhà	19/11/2003	CCQ2310E	09	Nhà	8,6	Nhà	8,7	8,7	9,6	9,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*
Cán bộ coi thi 2: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 1 Môn Viết: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 2 Môn Viết: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: *[Signature]*
T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400317)

- Thi Viết:
Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 14
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 14
Phòng thi: B201 Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:
Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 14
Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 14
Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 14

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100150	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/11/2005	CCQ2310E	12	Nhi	6,3	Nhi	5,7	6,0	5,5	5,8	
21	2123100287	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/06/2005	CCQ2310A	11	Nhi	5,1	Nhi	4,5	4,8	6,4	5,4	
22	2123100153	Phan Võ Quỳnh	Như	18/05/2005	CCQ2310E	10	Như	4,1	Như	3,9	4,0	7,9	5,6	
23	2123100154	Ngô Thị Mỹ	Nhung	02/04/2005	CCQ2310E	09	Nhung	6,2	Nhung	6,8	6,5	8,0	7,1	
24	2123100163	Nguyễn Đại Phong	Phong	08/03/2005	CCQ2310E						Cấm thi			
25	2123100171	Đỗ Thị Như	Quỳnh	04/05/2005	CCQ2310E	11	Quỳnh	5,7	Quỳnh	8,1	6,9	8,7	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 22

H: 01

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400317)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 23

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 25

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100057	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10/11/2005	CCQ2310B	10	Điểm	Điểm	Điểm	6,0	6,9	6,4	
2	2123100142	Võ Đình	Thắng	06/07/2005	CCQ2310E	11	Điểm	Điểm	Điểm	5,3	4,9	5,1	
3	2123100064	Mùng Thị Thu	Thảo	30/01/2005	CCQ2310B	12	Điểm	Điểm	Điểm	6,2	7,6	6,8	
4	2123100010	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	24/05/2005	CCQ2310A	09	Điểm	Điểm	Điểm	6,4	8,0	7,0	
5	2123100160	Trương Thị Hoài	Thu	17/04/2005	CCQ2310E	10	Điểm	Điểm	Điểm	6,4	6,8	6,6	
6	2123100213	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/11/2005	CCQ2310B	11	Điểm	Điểm	Điểm	6,0	7,7	6,7	
7	2123100021	Nguyễn Thị Bích	Thương	14/06/2005	CCQ2310A	12	Điểm	Điểm	Điểm	5,1	6,3	5,6	
8	2123100028	Nguyễn Thị Thanh	Thương	08/08/2005	CCQ2310A	09	Điểm	Điểm	Điểm	8,3	4,1	6,6	
9	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	29/06/2005	CCQ2310B	10	Điểm	Điểm	Điểm	7,6	7,8	7,7	
10	2123100036	Trần Như Thanh	Thủy	14/11/2005	CCQ2310B	11	Điểm	Điểm	Điểm	7,5	8,2	7,8	
11	2123100297	Nguyễn Thị Minh	Thủy	08/10/2005	CCQ2310E	12	Điểm	Điểm	Điểm	6,0	9,0	7,6	
12	2123100060	Nguyễn Đặng Thu	Thủy	26/10/2005	CCQ2310B	09	Điểm	Điểm	Điểm	5,1	7,2	6,1	
13	2123100047	Vũ Thị Phương	Thủy	28/10/2005	CCQ2310B	10	Điểm	Điểm	Điểm	8,1	8,2	7,7	
14	2123100024	Phạm Minh	Tỉnh	03/11/2003	CCQ2310A	11	Điểm	Điểm	Điểm	4,3	2,9	3,7	
15	2123100177	Nguyễn Văn	Toàn	23/10/2005	CCQ2310E					Cấm thi	0,0		
16	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	CCQ2310B	09	Điểm	Điểm	Điểm	6,6	8,0	7,2	
17	2123100158	Trần Thị Thùy	Trang	14/06/2004	CCQ2310E	10	Điểm	Điểm	Điểm	7,8	9,6	8,1	
18	2123100025	Nguyễn Thảo	Trình	21/04/2005	CCQ2310A	11	Điểm	Điểm	Điểm	6,3	6,2	5,7	
19	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	CCQ2310B	12	Điểm	Điểm	Điểm	9,6	9,5	9,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400317)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 23

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100178	Đặng Ái Vi	10/03/2005	CCQ2310E						Cấm thi	0,0		
21	2123100161	Lê Thị Tường Vy	29/06/2005	CCQ2310E	10		7,4		8,9	8,2	8,9	8,5	
22	2123100042	Nguyễn Võ Tường Vy	16/04/2005	CCQ2310B	11		3,0		6,5	4,8	7,1	5,7	
23	2123100062	Trần Ngọc Yến Vy	16/01/2004	CCQ2310B	12		9,5		9,3	9,4	9,8	9,6	
24	2123100019	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/04/2005	CCQ2310A	09		5,1		6,3	5,7	7,4	6,4	
25	2123100065	Chu Thị Yến	23/10/2005	CCQ2310B	10		4,7		5,2	5,0	5,0	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400318)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200500	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/07/2005	CCQ2320F	10		4,5		6,5	5,5	4,4	5,1	
2	2123200534	Quách Đình Gia	Báo	28/09/2004	CCQ2320F	11		3,0		1,2	2,1	7,8	4,4	
3	2123200562	Lê Thị Kiều	Châu	12/09/2005	CCQ2320F	12		3,6		1,3	2,5	7,5	4,5	
4	2123200582	Nguyễn Thành	Đạt	26/09/2003	CCQ2320F	9		3,2		8,1	5,7	5,6	5,7	
5	2123120063	Lê Thị Kiều	Diễm	15/10/2005	CCQ2312B	10		3,6		5,1	4,4	7,2	5,5	
6	2123200567	Lê Thị	Giang	09/08/2005	CCQ2320F	11		3,0		0,0	1,5	6,3	3,4	
7	2123120056	Đinh Thị Thuý	Hằng	23/12/2005	CCQ2312B	12		4,5		3,8	4,2	7,6	5,6	
8	2123200492	Trần Thị Kim	Hằng	07/05/2005	CCQ2320F	09		4,9		6,3	5,6	6,9	6,1	
9	2123120101	Lương Thị Bích	Hạnh	20/09/2005	CCQ2312B	10		4,7		1,0	2,9	6,9	4,5	
10	2123120065	Lâm Thị Xuân	Hiền	18/02/2005	CCQ2312B	11		5,4		1,7	3,6	8,2	5,4	
11	2123200494	Phan Nguyễn Minh	Huy	02/04/2005	CCQ2320F	12		4,4		7,1	5,8	6,5	6,1	
12	2123120540	Trần Gia	Huy	19/07/2005	CCQ2312A	09		4,7		4,3	4,5	7,2	5,6	
13	2123120077	Nguyễn Thị Trúc	Khanh	07/02/2005	CCQ2312B	10		6,3		5,6	6,0	8,3	6,9	
14	2123200571	Nguyễn Thành	Luông	27/07/2002	CCQ2320F						0,0			
15	2123120057	Nguyễn Thị Khánh	Ly	13/05/2005	CCQ2312B	12		4,0		0,0	2,0	7,1	4,0	
16	2123120034	Dương Nguyệt	Minh	14/02/2005	CCQ2312A	09		4,6		0,0	2,3	6,2	3,9	
17	2123120042	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2312A	10		6,6		6,1	6,4	8,7	7,3	
18	2123120018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/07/2005	CCQ2312A	18		5,9		7,3	6,6	8,6	7,4	
19	2123120510	Ngô Lê Bích	Ngọc	18/06/2005	CCQ2312B	12		5,7		3,2	4,5	6,3	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400318)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: B203

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/4/2024

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-26

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2
G.Viên chấm thi 1
Môn Viết
G.Viên chấm thi 2
Môn Viết
G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp
G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120096	Lê Quang	Nhân	31/05/2005	CCQ2312B	09	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	5,8	6,4	8,9	7,4	
21	2123120066	Hoàng Thị Kim	Oanh	17/11/2005	CCQ2312B							0,7	0,3	
22	2123120712	Võ Thị Mỹ	Phấn	14/08/2005	CCQ2312B	11	phấn	7,5	phấn	7,3	7,4	7,6	7,5	
23	2123120048	Sỹ Chi	Phong	11/08/2005	CCQ2312A							0,0		
24	2123120008	Phan Văn	Phú	25/03/2003	CCQ2312A	09	<i>[Signature]</i>	8,3	<i>[Signature]</i>	8,1	8,2	7,7	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400318)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: B204 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

CTN/Thủy

Cán bộ coi thi 2

Ng. T. Kim Ngân

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

N. T. Loan

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn T. Linh

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Thị Trúc

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. T. Anh Hưng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200490	Hồ Thu	Phương	14/08/2005	CCQ2320F	09	Phuong	5,2	phung	7,1	6,2	7,4	6,7	
2	2123200493	Trần Thị Trúc	Phương	28/01/2005	CCQ2320F	12	Truc	4,5	Truc	0,2	2,4	6,8	4,2	
3	2123120100	Võ Thị Ngọc	Quý	14/08/2005	CCQ2312B	11	Ngoc	3,2	Ngoc	0,0	1,6	5,2	3,0	
4	2123120047	Đào Nhật Anh	Tân	13/06/2004	CCQ2312A	10	Tan	9,1	Tan	7,2	8,2	7,7	8,0	
5	2123200522	Lê Quốc	Thái	23/06/2005	CCQ2320F	09	Thai	4,8	Thai	5,6	5,2	6,3	5,6	
6	2123120054	Phạm Minh	Thăng	17/01/2004	CCQ2312A							0,0		
7	2123120084	Trần Duy	Thăng	22/03/2003	CCQ2312B	11	Thang	5,5	Thang	8,0	6,8	8,7	7,6	
8	2123200564	Lê Xuân	Thành	30/03/2005	CCQ2320F							0,0		
9	2123200489	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	CCQ2320F	09	thao	5,8	thao	4,7	5,3	5,8	5,5	
10	2123200488	Lê Quốc	Thịnh	01/02/2005	CCQ2320F	12	Quoc	3,9	Quoc	4,2	4,1	7,1	5,3	
11	2123120009	Võ Minh	Thư	25/07/2005	CCQ2312A	11	Minh	7,3	Minh	6,4	6,9	9,1	7,8	
12	2123120041	Nguyễn Thị Thu	Thủy	06/11/2005	CCQ2312A							0,0		
13	2123120083	Bùi Thị	Thủy	20/10/2003	CCQ2312B	09	Thuy	8,7	Thuy	8,9	8,8	8,6	8,7	
14	2123120003	Trần Minh	Tiến	08/12/2004	CCQ2312A							0,0		
15	2123200480	Bùi Huy	Tới	20/04/2005	CCQ2320F							0,0		
16	2123200497	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2005	CCQ2320F	10	Trang	3,1	Trang	0,1	1,6	7,0	3,8	
17	2123120029	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	01/01/2004	CCQ2312A							0,0		
18	2123120058	Trần Thị Mai	Trình	02/07/2005	CCQ2312B	12	Trinh	5,4	Trinh	5,9	5,7	8,9	7,0	
19	2123120013	Hà Thanh	Tú	15/11/2004	CCQ2312A	11	Tu	7,2	Tu	4,7	6,0	7,6	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400318)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: B204 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
C.T. Thuy

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Ng. T. Cẩm Ngân

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

[Signature]
Ng. T. P. Linh

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Vấn đáp

[Signature]
Trần Thị Hương

G.Viên chấm thi 2

Môn Vấn đáp

[Signature]
Trần Thị Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200502	Lê Hoàng Cẩm	Tú	19/07/2005	CCQ2320F	10	<i>[Signature]</i>	7,0	<i>[Signature]</i>	0,2	3,6	7,5	5,2	
21	2123120031	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/09/2005	CCQ2312A	19	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	3,6	4,0	6,7	5,1	
22	2123120076	Bùi Kim	Tuyển	04/10/2005	CCQ2312B	11	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	6,4	6,3	8,8	7,3	
23	2123120021	Thái Thị Thanh	Tuyển	17/06/2005	CCQ2312A	10	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	3,0	4,2	7,4	5,5	
24	2123120078	Phan Thị Tường	Vy	13/08/2005	CCQ2312B							5,8	2,3	
25	2123120074	Trần Ngọc	Xuyến	11/10/2005	CCQ2312B	09	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	5,6	5,4	8,9	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 15
H: 4

Môn học: Anh văn 1 (22400321)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: B205 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm IIP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120550	Trần Hoàng Anh	11/04/2005	CCQ2312J							0,0		
2	2122190138	Đào Thị Ngọc Ánh	01/03/2004	CCQ2219C	11	Anh	5,8	Anh	5.1	55	9,0	69	
3	2123120485	Lê Phương Chăm	25/11/2005	CCQ2312I	12	Ch	3,3	Ch	6.5	49	6,6	56	
4	2123120544	Phạm Minh Đạt	20/12/2005	CCQ2312I							0,0		
5	2123120507	Trần Lê Phương Dung	26/02/2005	CCQ2312I	10	Dung	4,2	Dung	4.1	42	6,3	50	
6	2123120467	Phan Anh Duy	27/01/2005	CCQ2312I	11	Duy	6,2	Duy	8.1	72	8,0	75	
7	2123120594	Phạm Thị Quyên Duyên	13/04/2005	CCQ2312J	12	Duyên	5,6	Duyên	6.4	60	6,4	62	
8	2123120563	Phạm Hải Hà	09/09/2005	CCQ2312J	09	Hai	4,9	Hai	3.3	41	4,7	43	
9	2123120471	Nguyễn Ngọc Hân	04/05/2003	CCQ2312I	10	Han	6,2	Han	8.1	72	7,7	74	
10	2123310035	Phạm Trung Hiếu	09/08/2005	CCQ2331A	11	Hieu	8,0	Hieu	8.3	82	7,8	80	
11	2123120545	Võ Thị Hoà	01/05/2005	CCQ2312I	12	Ho	5,3	Ho	3.4	44	6,2	51	
12	2123120486	Bùi Mạnh Hoàng	17/05/2005	CCQ2312I							0,0		
13	2123120548	Nguyễn Trọng Hưng	27/04/2005	CCQ2312I	09	Hung	3,8	Hung	5.2	45	6,9	55	
14	2123310031	Hồ Đình Huy	29/03/2005	CCQ2331A	11	Huy	7,5	Huy	7.3	74	9,3	82	
15	2123310030	Nguyễn Quốc Huy	23/11/2004	CCQ2331A							0,0		
16	2123310027	Trương Ngọc Huy	13/09/2004	CCQ2331A							0,0		
17	2123120517	Nguyễn Hữu Khải	26/12/2005	CCQ2312I	10	Khai	7,6	Khai	8.1	79	9,0	83	
18	2123310039	Huỳnh Nhật Kiên	14/05/1998	CCQ2331B	11	Kien	9,1	Kien	7.4	83	9,8	89	
19	2123120673	Đoàn Minh Long	24/06/2005	CCQ2312L	10	Long	5,0	Long	2.7	39	4,1	40	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400321)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: B205 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120601	Nguyễn Huỳnh Lệ	Ngà	09/03/2005	CCQ2312J	09	Ngà	7,5	Ngà	4,7	61	7,4	66	
21	2123120528	Nguyễn Ngọc	Ngân	10/12/2005	CCQ2312I	10	Ngân	6,2	Ngân	6,2	62	5,1	58	
22	2123120526	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/11/2004	CCQ2312I							0,0	/	
23	2123120590	Nguyễn Lê Thảo	Nguyễn	11/02/2005	CCQ2312J	12	Thảo	2,5	Thảo	5,0	38	5,1	43	
24	2122040017	Võ Quang	Nhật	20/07/2004	CCQ2204A							0,0	/	
25	2123120547	Trần Minh	Nhật	05/01/2005	CCQ2312I	10	Minh	5,9	Minh	0,5	32	4,4	37	
26	2123120537	Trần Huỳnh Trọng	Phúc	20/12/2005	CCQ2312I	11	Trọng	6,0	Trọng	5,4	57	6,1	59	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 16
H: 4

Cán bộ coi thi 1

TRẦN THỊ NGUYỄN

Cán bộ coi thi 2

LE
TRẦN THỊ THANH LÊ

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

TRẦN THỊ NGUYỄN

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

TRẦN THỊ NGUYỄN

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

TRẦN THỊ NGUYỄN

Môn học: Anh văn 1 (22400321)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: B206 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120703	Ngô Thị	Phượng	30/05/2005	CCQ2312L	11	Phượng	7,9	Phượng	6,7	73	7,3	73	
2	2123120675	Lương Thị Ngọc	Quý	12/01/2005	CCQ2312L	10	Quý	7,1	Quý	5,5	63	8,3	71	
3	2122030252	Nguyễn Đình	Quốc	25/05/2004	CCQ2203A	11	Quốc	6,3	Quốc	4,1	52	6,3	56	
4	2123120694	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/10/2005	CCQ2312L									
5	2123120572	Nông Sái Hồng	Thái	15/10/2004	CCQ2312I	11	Thái	6,9	Thái	7,0	70	8,7	77	
6	2123120474	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/07/2005	CCQ2312I	10	Thảo	7,0	Thảo	7,8	74	8,6	79	
7	2123120677	Trần Thị Mỹ	Tho	06/03/2005	CCQ2312L									
8	2123120558	Lê Thị Mộng	Thơ	19/07/2005	CCQ2312J	12	Thơ	6,1	Thơ	8,2	72	8,8	78	
9	2123120566	Nguyễn Văn	Thông	16/10/2005	CCQ2312J	09	Thông	6,1	Thông	3,3	47	4,8	47	
10	2123120596	Đàm Thị Quỳnh	Thư	23/10/2005	CCQ2312J	12	Thư	5,3	Thư	5,5	54	6,8	60	
11	2123120509	Trần Ngọc	Thuận	05/07/2002	CCQ2312I							0,0		
12	2123120530	Lê Thị Cẩm	Tiên	30/10/2005	CCQ2312I	12	Tiên	4,6	Tiên	8,3	65	7,1	67	
13	2123120554	Nguyễn Gia	Tin	10/03/2005	CCQ2312J							3,0		
14	2123120565	Huỳnh Văn	Toàn	15/08/2005	CCQ2312J						42	4,5		
15	2123120577	Lê Phú	Trọng	11/03/2005	CCQ2312J	15	Trọng	4,9	Trọng	3,4	42	4,3	42	
16	2123120723	Nguyễn Văn	Tùng	16/01/2002	CCQ2312L							0,0		
17	2123120531	Phạm Thị Ánh	Tuyết	27/09/2005	CCQ2312I	09	Tuyết	2,9	Tuyết	1,8	24	7,0	42	
18	2123120672	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	04/09/2004	CCQ2312L	12	Uyên	6,2	Uyên	6,9	66	9,9	79	
19	2123120536	Trương Khánh	Uyên	14/01/2005	CCQ2312I	09	Uyên	5,3	Uyên	5,8	56	8,6	68	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400321)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: B206

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200484	Từ Thị Khánh Vân	30/04/2005	CCQ2320F	12	Vân	6.6	Vân	6.6	66	6,9	67	
21	2123200523	Huỳnh Văn Viễn	07/02/2005	CCQ2320F	09	Vân	5.9	viễn	5.1	55	5,2	54	
22	2123200561	Nguyễn Quang Vinh	15/09/2005	CCQ2320F							0,0	0	
23	2123120557	Lê Phong Vũ	19/05/2005	CCQ2312J	03	Phong	5.6	Phong	8.1	69	7,0	69	
24	2123120479	Ngô Thị Thảo Vy	19/12/2005	CCQ2312I	10	Thảo Vy	6.0	Thảo Vy	8.4	72	8,4	77	
25	2122130075	Trương Thị Vy	03/04/2004	CCQ2212M	11	Vy	4.8	Vy	2.6	37	6,0	46	
26	2123100192	Huỳnh Thị Hồng Yến	14/10/2005	CCQ2312L	10	Yến	6.0	Yến	6.0	60	7,0	64	
27	2123120599	Nguyễn Thị Hải Yến	25/08/2005	CCQ2312J	11	Hải Yến	8.5	Hải Yến	8.7	70	9,0	78	

14:03
2:14

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400322)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 17

Phòng thi: B207 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 47

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 47

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 47

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200161	Bùi Lâm Đức	Anh	01/10/2005	CCQ2320B					Cấm thi	0,0		
2	2123200709	Đương Hữu	Báo	22/09/2004	CCQ2320B					Cấm thi	0,0		
3	2123200167	Nguyễn Quốc	Bảo	03/05/2005	CCQ2320B	AV1-0	Bảo 4,8	Bảo	1,0	2,9	5,8	4,1	
4	2123200686	Huỳnh Thị Bảo	Châu	24/01/2005	CCQ2320A					Cấm thi	0,0		
5	2123200117	Nguyễn Thị Bích	Chi	20/09/2005	CCQ2320B	AV1-11	Chi 7,3	Chi	6,3	6,8	8,8	7,6	
6	2123200038	Nguyễn Thanh	Danh	18/11/2005	CCQ2320A					Cấm thi	0,0		
7	2123200508	Lê Trạc Khả	Duy	06/04/2005	CCQ2320B					Cấm thi	0,0		
8	2123200132	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/09/2005	CCQ2320B					Cấm thi	0,0		
9	2123200012	Nguyễn Huỳnh	Giang	18/01/2005	CCQ2320A	AV1-12	Giang 5,8	Giang	4,5	5,2	7,5	6,1	
10	2123200149	Phạm Trường	Giang	09/09/2004	CCQ2320B	AV1-09	Trường 8,7	Trường	6,8	7,8	8,7	8,2	
11	2123200046	Lê Thanh	Hòa	03/02/2005	CCQ2320A	AV1-10	Thanh 5,6	Thanh	5,2	5,1	6,6	5,7	
12	2123200093	Hứa Thành	Hơn	07/02/2005	CCQ2320A	AV1-11	Hơn 5,0	Hơn	6,2	5,6	6,9	6,1	
13	2123200166	Nguyễn Thị Thanh	Hương	27/10/2005	CCQ2320B	AV1-12	Hương 5,7	Hương	5,0	5,4	7,7	6,3	
14	2123200051	Nguyễn Gia	Huy	06/04/2005	CCQ2320A	AV1-09	Gia 8,0	Gia	7,3	7,7	8,7	8,1	
15	2123200150	Lê Nguyễn Minh	Huyền	03/06/2005	CCQ2320B	AV1-10	Minh 7,4	Minh	2,0	4,7	6,8	5,5	
16	2122110467	Đương Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2211L					Cấm thi	0,0		
17	2123200079	Lê Thị Thanh	Lam	06/04/2005	CCQ2320A	AV1-11	Lam 7,4	Lam	5,6	6,5	8,6	7,3	
18	2123200164	Đương Thị Thuỳ	Linh	16/08/2005	CCQ2320B	AV1-12	Linh 5,1	Linh	0,0	2,6	5,0	3,6	
19	2123200131	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/05/2005	CCQ2320B					Cấm thi	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400322)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200152	Nguyễn Thị Diễm	Ly	09/11/2005	CCQ2320B	AVI-09	Ly	3,4	Ly	6.6	5.0	7,1	5.8	
21	2123200016	Nguyễn Ngọc	Minh	03/01/2004	CCQ2320A	AVI-10	Minh	5,3	Minh	3.2	4.3	7,7	5.7	
22	2123200091	Trịnh Kim	Ngân	16/03/2005	CCQ2320A	AVI-11	Ngân	6,3	Ngân	6.4	6.4	8,4	7.2	
23	2122100318	Từ Thị Bích	Ngọc	10/12/2004	CCQ2210A	AVI-12	Bích	7,9	Bích	8.2	8.1	9,2	8.5	
24	2123200192	Trần Yến	Nhã	11/09/2005	CCQ2320B	AVI-10	Nhã	5,3	Nhã	4.0	4.7	7,0	5.6	
25	2123200518	Lê Yến	Nhi	14/11/2005	CCQ2320B	AVI-11	Nhi	5,6	Nhi	0.0	2.8	4,6	3.5	

H: 02
8: 20

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Hòa

Môn học: Anh văn 1 (22400322)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 22

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

Đỗ Phụng

Hoàng T. Hiền

Phạm Văn Minh

Nguyễn Chí Quyết

Thạch Văn

Phạm Thị Hè

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200160	Võ Thị Ngọc	Nhi	14/01/2005	CCQ2320B	09	Nhi	5,8	Nhi	5,5	5,7	6,5	6,0	
2	2123200187	Võ Thị Huỳnh	Như	14/05/2004	CCQ2320B	10	Như	8,4	Như	8,2	8,3	9,0	8,6	
3	2123200175	Vũ Thị Quỳnh	Như	16/02/2003	CCQ2320B	11	Quỳnh	8,9	Quỳnh	7,6	8,3	9,3	8,7	
4	2123200719	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/07/2005	CCQ2320A	12	Hồng	7,3	Hồng	3,5	5,4	7,9	6,4	
5	2123200055	Lê Huỳnh Thái	Phong	19/10/2005	CCQ2320A	09	Phong	6,0	Phong	7,4	6,7	6,8	6,7	
6	2123200062	Ngô Quốc	Phong	08/02/2005	CCQ2320A						Cấm thi	0,0		
7	2123200025	Đỗ Thị Như	Quỳnh	21/02/2005	CCQ2320A	10	Quỳnh	4,3	Quỳnh	6,6	5,5	7,3	6,2	
8	2123200067	Trần Diệp	Sa	14/11/2005	CCQ2320A	10	Diệp	7,1	Diệp	3,3	5,2	7,3	6,0	
9	2123200145	Hồ Thị Hương	Sen	11/10/2005	CCQ2320B	11	Hương	6,9	Hương	8,7	7,8	8,8	8,2	
10	2123200165	Đặng Thị Thanh	Thảo	27/03/2005	CCQ2320B	12	Thanh	4,2	Thanh	0,0	2,1	4,9	3,2	
11	2123200012	Lê Thị Thanh	Thảo	11/07/2005	CCQ2320A						Cấm thi	0,0		
12	2123100005	Lê Thị Thu	Thảo	07/03/2004	CCQ2331B	09	Thu	10,0	Thu	7,8	8,9	9,7	9,2	
13	2123200717	Lê Thị Anh	Thư	10/03/2005	CCQ2320A	10	Anh	5,8	Anh	4,0	4,9	7,3	5,9	
14	2122100132	Nguyễn Mai	Thy	11/09/2004	CCQ2227E	11	Mai	7,2	Mai	6,6	6,9	8,7	7,6	
15	2123200002	Mông Minh	Tôn	15/02/2002	CCQ2320A	09	Minh	6,6	Minh	6,4	6,5	8,8	7,1	
16	2123200092	Đặng Thị Thanh	Trà	11/11/2005	CCQ2320A						Cấm thi	0,0		
17	2123200720	Vân Thị Thanh	Trà	24/07/2005	CCQ2320B	09	Thanh	7,0	Thanh	6,2	6,6	7,5	7,0	
18	2123200106	Ngô Thị Mỹ	Trâm	04/12/2005	CCQ2320A	10	Mỹ	6,9	Mỹ	7,6	7,3	8,1	7,6	
19	2123200022	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	04/05/2005	CCQ2320A	11	Quỳnh	4,2	Quỳnh	2,5	3,1	6,1	4,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C-Hoa

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400322)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 22

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200130	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	20/05/2005	CCQ2320B	12	Trang	5,7	Trang	5,2	5,5	7,1	6,1	
21	2122120529	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	30/09/2004	CCQ2227E	09	Trình	8,6	Trình	7,6	8,1	9,3	8,6	
22	2123200107	Ngô Thị Mỹ	Truyền	04/12/2005	CCQ2320A	12	Truyền	8,4	Truyền	5,5	7,0	8,7	7,7	
23	2123200137	Tổng Tường	Vi	28/05/2005	CCQ2320B	11	Vi	8,7	Vi	7,0	7,9	8,5	8,1	
24	2122200192	Nguyễn Thanh	Vy	29/02/2004	CCQ2220A	12	Vy	7,7	Vy	5,1	6,4	7,8	7,0	
25	2123200186	Dương Thị Mậu	Xuân	11/09/2005	CCQ2320B	12	Xuân	6,7	Xuân	5,0	5,9	6,9	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 16
H: 5

42
C. Bảo Anh

Môn học: Anh văn 1 (22400324)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: B209

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Trần Thị
Kiều Quỳnh

N.T. Trĩ

Li Bảo Anh

Li Bảo Anh

Le Thanh

Nguyễn Thị Phương Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV*	Điểm				
1	2123100293	Đặng Đồng	Đào	17/06/2005	CCQ2310H	Đào	6,5	Đào	7,1	6,8	7,5	7,1	
2	2123260045	Nguyễn Thị Thủy	Dương	14/08/2005	CCQ2326B	Dương	6,8	Dương	3,3	5,1	8,1	6,3	
3	2123260061	Võ Thị Thủy	Duyên	08/03/2005	CCQ2326B	Duyên	5,4	Duyên	6,9	6,2	6,7	6,4	
4	2123260025	Nguyễn Minh	Hiếu	29/10/2005	CCQ2326A	Hiếu	4,4	Hiếu	6,6	5,5	6,8	6,0	
5	2123260034	Đinh Tiên	Hoàng	04/10/2005	CCQ2326A	Đinh	4,7	Đinh	2,0	3,4	5,3	4,2	
6	2123260068	Trần Nguyễn Kim	Hoàng	17/02/2005	CCQ2326B	Hoàng	5,2	Hoàng	7,5	6,4	6,5	6,4	
7	2123260024	Lê Thị	Huỳnh	11/03/2005	CCQ2326A	Huỳnh	6,6	Huỳnh	7,4	7,0	8,0	7,4	
8	2123260013	Phạm Văn Tuấn	Kiệt	07/04/2005	CCQ2326A	Phạm	5,0	Phạm	6,0	5,5	6,7	6,0	
9	2123260040	Đạt Nữ Kim	Liều	01/02/2005	CCQ2326B					Cấm thi	0,0	0,0	
10	2123260006	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/11/2005	CCQ2326A	Linh	3,5	Linh	4,4	4,0	4,6	4,2	
11	2123100268	Lê Ánh	Ngọc	27/03/2005	CCQ2310H	Ánh	7,0	Ánh	8,3	7,7	7,7	7,7	
12	2123260009	Huỳnh Thị Tuyết	Nguyễn	04/09/2005	CCQ2326A	Nguyễn	4,0	Nguyễn	7,4	5,7	5,6	5,7	
13	2123260066	Tôn Thất	Nguyễn	24/01/2004	CCQ2326B	Tôn	6,6	Tôn	7,2	6,9	7,8	7,3	
14	2123100260	Trần Thị Ngọc	Nguyễn	15/03/2005	CCQ2310H	Nguyễn	5,4	Nguyễn	4,8	5,1	7,3	6,0	
15	2123260192	Phạm Thị Nhựt	Nguyễn	19/04/2005	CCQ2326A					Cấm thi	0,0	0,0	
16	2123260042	Tô Thị Ánh	Nguyễn	06/10/2005	CCQ2326B	Nguyễn	6,2	Nguyễn	6,3	6,3	7,7	6,9	
17	2123260053	Lê Văn	Nhân	31/10/2005	CCQ2326B	Lê	5,0	co' thi	3,5	4,3	6,4	5,1	
18	2123100299	Lê Anh	Nhật	02/12/2003	CCQ2310H	Nhật	2,0	Nhật	5,0	8,03,5	4,6	3,9	
19	2123260191	Phạm Xuân	Nhi	02/05/2005	CCQ2326B					Cấm thi	0,0	0,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

42
C. Bảo Anh

lôn học: Anh văn 1 (22400324)

Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21...

Phòng thi: B209 Số tờ giấy thi: 21...

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 21...

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123260058	Lê Dương Ngọc	Nhung	26/04/2005	CCQ2326B	11		5,9		0,0	3,0	4,7	3,7	
21	2122170370	Hồ Duy	Phuong	28/11/2004	CCQ2217J	12		5,0		6,6	5,8	7,3	6,4	
22	2123260019	Nguyễn Thị Quỳnh	Phuong	24/06/2005	CCQ2326A	09		2,7		0,0	1,4	4,5	2,6	
23	2123100267	Thuận Thị	Quỳnh	06/09/2005	CCQ2310H									
24	2123260087	Phan Thị Như	Quỳnh	06/10/2005	CCQ2326B	11		4,9		5,8	5,4	6,6	5,9	
25	2123260043	Nguyễn Ngọc	Sa	10/02/2005	CCQ2326B	12		6,2		6,6	6,4	6,5	6,4	

D: 14
H: 7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

43

C. Bảo Anh

ôn học: Anh văn 1 (22400324)

Thi Viết:

gày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

hàng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HTP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100259	Đinh Thị Sáo	11/03/2004	CCQ2310H						0,0	4,0		
2	2123260196	Lê Thị Cẩm	Sương	27/11/2005	CCQ2326A	10	3,3	2,2	2,8	4,5	3,5		
3	2123260049	Trần Thị Thu	Tâm	24/04/2005	CCQ2326B	11	4,4	2,4	3,4	6,3	4,6		
4	2123260030	Nguyễn Hữu	Thặng	13/05/2005	CCQ2326A	10	4,4	6,2	5,3	5,6	5,4		
5	2123260046	Trần Huyền	Thư	26/05/2005	CCQ2326B	11	4,9	3,8	4,4	7,2	5,5		
6	2123260050	Nguyễn Thị	Thương	26/07/2005	CCQ2326B	10	5,9	6,9	6,4	6,8	6,6		
7	2123260005	Nguyễn Thị Kiều	Thương	25/08/2005	CCQ2326A	12	5,7	7,4	6,6	7,9	7,1		
8	2123100274	Triệu Thu	Thủy	28/07/2004	CCQ2310H	09	5,0	5,6	5,3	7,4	6,1		
9	2123260026	Mạch Mạnh	Tiến	21/03/2005	CCQ2326A					Cấm thi	0,0	0,0	
10	2123100261	Hoàng Bảo	Tin	06/10/2003	CCQ2310H	09	5,8	7,3	6,6	6,0	6,4		
11	2123260048	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/05/2005	CCQ2326B	12	5,0	6,0	5,5	6,9	6,1		
12	2123100288	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/2005	CCQ2310H	09	6,5	8,0	7,3	7,9	7,5		
13	2123260036	Huỳnh Thụy Thuý	Trang	27/08/2005	CCQ2326A	09	4,0	3,6	3,8	5,4	4,4		
14	2123260010	Nguyễn Lê Huyền	Trang	27/11/2005	CCQ2326A					Cấm thi	0,0	0,0	
15	2123260016	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/11/2005	CCQ2326A	09	6,4	4,4	5,4	5,9	5,6		
16	2123260054	Hồ Minh	Tri	21/08/2005	CCQ2326B	12	4,8	1,4	3,1	5,2	3,9		
17	2123260028	Trần Tổ	Trình	11/09/2005	CCQ2326A	09	4,7	0,8	2,8	6,5	4,3		
18	2123100266	Nguyễn Thị	Tuyền	19/05/2005	CCQ2310H	12	5,1	7,0	6,1	6,9	6,4		
19	2123260018	Vạn Thị Thanh	Uyên	17/03/2003	CCQ2326A	10	3,8	5,5	4,7	5,3	4,9		

(43)

C. Bảo Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400324)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123260153	Trần Thị Cẩm	Vân	19/06/2005	CCQ2326B	11	Vân	3,0	Vân	4,8	3,9	6,0	4,7	
21	2123260063	Nguyễn	Vân	18/12/2004	CCQ2326B	10	Nguyễn	4,9	Nguyễn	5,0	5,0	5,7	5,3	
22	2123100283	Châu Thị	Việt	16/08/2005	CCQ2310H	11	Việt	3,7	Việt	7,8	5,8	5,5	5,7	
23	2123260070	Huỳnh Ngọc	Vy	03/10/2005	CCQ2326B						Cấm thi	0,0	0,0	
24	2123260011	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	22/04/2005	CCQ2326A	10	Nguyễn	3,7	Nguyễn	5,0	4,4	5,9	5,0	
25	2123100271	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	21/11/2005	CCQ2310H	11	Nguyễn	6,7	Nguyễn	6,8	6,8	7,8	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Linh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400325)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123260115	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	10/11/2005	CCQ2326D	12	AB	4,3	AB	4,6	4,5	5,2	4,8	
2	2123260096	Thắm Thị Lan	Anh	20/10/2004	CCQ2326C	09	Anh	8,5	Anh	7,1	7,8	9,0	8,3	
3	2123260130	Đỗ Thị An	Bình	04/05/2005	CCQ2326D	12	Bình	4,6	Bình	3,8	4,2	5,9	4,9	
4	2123260132	Nguyễn Phi	Châu	12/11/2005	CCQ2326D	11	Chau	6,4	Chau	6,3	6,4	8,3	7,2	
5	2123260082	Lê Thị Kim	Cúc	12/10/2005	CCQ2326C	12	Cúc	6,5	Cúc	5,5	6,0	6,0	6,0	
6	2123260129	Mã Thị	Diễm	06/03/2005	CCQ2326D	09	Diễm	7,1	Diễm	6,0	6,6	8,3	7,3	
7	2123260093	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	11/08/2005	CCQ2326C	10	Duyên	4,6	Duyên	5,7	5,2	6,0	5,5	
8	2123260134	Trần Mỹ	Duyên	04/12/2005	CCQ2326D	11	Duyên	5,6	Duyên	5,7	5,7	8,1	6,7	
9	2123260080	Phan Thị Ngọc	Giàu	01/10/2005	CCQ2326C	11	Giàu	5,9	Giàu	7,6	6,8	7,5	7,1	
10	2123260133	Hoàng Thị	Hằng	27/07/2005	CCQ2326D	12	Hằng	6,5	Hằng	5,0	5,8	4,6	5,3	
11	2123260104	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	CCQ2326C	09	Hiền	4,2	Hiền	4,2	4,2	5,9	4,9	
12	2123260078	Thạch	Hoa	06/01/2004	CCQ2326C	10	Thạch	7,9	Thạch	8,3	8,1	9,1	8,5	
13	2123260113	Nguyễn Thị Thúy	Hoài	09/09/2005	CCQ2326D	03	Hoài	3,1	Hoài	5,2	4,2	6,4	5,1	
14	2123260167	Phạm Văn	Hưng	30/05/2005	CCQ2326E	12	Phạm	4,8	Phạm	5,2	5,0	4,8	4,9	
15	2123260100	Trần Duy	Hưng	27/09/2005	CCQ2326C							0,0		
16	2123260073	Mai Dương Thanh	Hương	21/11/2005	CCQ2326C	09	Hương	6,2	Hương	7,9	7,1	8,3	7,6	
17	2123260165	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/01/2005	CCQ2326E	10	Thu	5,4	Thu	4,7	5,1	7,4	6,0	
18	2123260146	Võ Đăng	Huy	22/11/2003	CCQ2326E							0,0		
19	2123260193	Vũ Hoàng Anh	Khôi	16/09/2005	CCQ2326C							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400325)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: ..2..

Giờ thi: 12g30 Số bài thi:2..

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: ..2..

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123260142	Lê Thị Như	Khương	12/08/2005	CCQ2326D	11	Khương	2,6	Khương	2,0	2,3	4,6	3,2	
21	2123260088	Lê Nguyễn Trung	Kiên	22/05/2005	CCQ2326C	12	Kiên	6,2	Kiên	4,4	5,3	8,4	6,5	
22	2123260177	Lê Nguyễn Thảo	Kiệt	08/09/2005	CCQ2326E						0,0			
23	2123260148	Vũ Thảo Trúc	Lý	10/05/2005	CCQ2326E						1,6			
24	2123260131	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	16/05/2005	CCQ2326D						0,0			
25	2123260157	Bùi Quốc	Minh	10/06/2004	CCQ2326E						0,0			
26	2123260185	Lê Ngọc	Nam	06/08/2005	CCQ2326E	09	Nam	4,9	Nam	7,1	6,0	6,0	6,0	
27	2123260118	Quảng Thị Tuy	Nen	11/07/2005	CCQ2326D	10	Tuy	4,4	Tuy	3,7	4,1	6,5	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400325)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 22

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123260155	Hà Thị Thanh	Ngân	25/02/2004	CCQ2326E	12	Ngân	4,3	Ngân	4,7	4,5	7,2	5,6	
2	2123260112	Hồ Thị Kim	Ngân	24/06/2005	CCQ2326D	09	Kim	7,7	Kim	2,5	7,6	8,9	8,1	
3	2123260102	Nguyễn Trần Phương	Nghi	30/05/2005	CCQ2326C	10	Phương	6,3	Phương	4,5	5,4	6,9	6,0	
4	2123260151	Huỳnh Gia	Nguyễn	12/07/2005	CCQ2326E							0,0		
5	2123260098	Nguyễn Phạm Ánh	Nguyệt	28/01/2005	CCQ2326C	12	nguyệt	2,1	nguyệt	3,4	2,8	7,0	4,5	
6	2123260079	Võ Văn	Nhuận	14/04/2003	CCQ2326C							0,0		
7	2123260186	Trần Quang	Phong	17/03/2005	CCQ2326E	10	Phong	5,7	Phong	6,7	6,2	6,5	6,3	
8	2123260159	Trần Bảo	Phú	25/10/2005	CCQ2326E	11	Bảo	7,9	Bảo	2,7	7,8	5,6	6,9	
9	2123260119	Phạm Thị	Phước	08/07/2005	CCQ2326D	12	Phước	4,7	Phước	5,0	4,9	6,7	5,6	
10	2122100069	Trương Thị Như	Quỳnh	08/01/2001	CCQ2210B	9	Quỳnh	4,6	Quỳnh	5,9	5,3	9,0	6,8	
11	2123260137	Trương Thị Thúy	Son	25/05/2004	CCQ2326D	10	Thúy	4,3	Thúy	5,5	4,9	7,1	5,8	
12	2123260109	Nguyễn Đức	Tài	20/10/2005	CCQ2326D	11	Tài	2,5			0	5,0	2,0	
13	2123260092	Bùi Thị Mỹ	Thanh	12/11/2005	CCQ2326C	12	Thanh	5,6	Thanh	6,2	5,9	6,9	6,3	
14	2122170630	Nguyễn Văn	Thánh	25/08/2004	CCQ2217P							0,0		
15	2123260160	Hồ Thanh	Thảo	05/05/2005	CCQ2326D	10	Thảo	5,3	Thảo	7,0	6,2	8,2	7,0	
16	2123260135	Phan Thị Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2326D	11	Ph	4,6	Ph	4,0	4,3	6,2	5,1	
17	2123260143	Quảng Thị Hồng	Thịnh	04/01/2005	CCQ2326D							0,0		
18	2123260199	Lê	Thức	16/04/2003	CCQ2326C	09	Lê	6,2	Thức	5,0	5,6	4,4	5,1	
19	2123260158	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	29/10/2005	CCQ2326E	10	Tiên	4,2	Tiên	4,0	4,1	6,3	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Linh

Môn học: Anh văn 1 (22400325)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 22

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn Hải

Cán bộ coi thi 2

Đường Thị
Kim Chi

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thanh Xuân

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Thị Phương Linh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

h.T.Nguyễn

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Loi Thau

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123260195	Trần Thuý	Tiên	25/10/2005	CCQ2326E	AV1-11	Lun	5,6	Lun	5,0	5,3	6,5	5,8	
21	2123260172	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/03/2005	CCQ2326E	AV1-12	Tgam	4,2	Tgam	3,3	4,8	5,7	5,2	
22	2123260121	Quách Thị Ngọc	Trang	27/07/2005	CCQ2326D	AV1-09		3,6		4,4	4,0	5,0	4,4	
23	2123260083	Vũ Thị Thu	Trang	01/07/2005	CCQ2326C							0,3		
24	2123260126	Nguyễn Thị Phương	Trình	14/06/2005	CCQ2326D							0,0		
25	2123260123	Trần Thị Cẩm	Trình	24/04/2004	CCQ2326D	AV1-12	Trình	5,4	Trình	5,8	5,6	7,5	6,4	
26	2121120208	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	09/11/2003	CCQ2112F	AV1-09		2,8		4,2	3,5	6,0	4,5	
27	2121150064	Nguyễn Đình	Tú	09/09/2002	CCQ2115B	AV1-10	Tú	5,7			0	2,0	0,8	
28	2123260180	Phạm Thị Thu	Tuyền	29/08/2005	CCQ2326E	AV1-11		5,7		5,1	5,4	5,9	5,6	

Đ: 14
H: 7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400329)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D	10		3,8		7,5	5,7	4,9	5,4	
2	2123050094	Đinh Hoàng	Chi	11/10/2004	CCQ2305C									
3	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	12		5,5		3,0	4,3	7,3	5,5	
4	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	09		3,1		5,3	4,2	5,7	4,8	
5	2123050171	Não Văn	Diễn	02/05/2005	CCQ2305D	10		00			00	4,5	1,8	
6	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	CCQ2305D	11		4,1		5,4	4,8	5,9	5,2	
7	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	09		3,2		5,5	4,4	6,5	5,2	
8	2123050220	Vô Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	12		4,9		0,0	2,5	6,3	4,0	
9	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	11		5,5		7,1	6,3	7,4	6,7	
10	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D						Cẩn thi	0,0	00	
11	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D	09		00			00	4,3	1,7	
12	2123050149	Đặng Vũ	Hải	17/07/2005	CCQ2305D									
13	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	11		4,7		5,4	5,1	6,7	5,7	
14	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	10		3,4		5,2	4,3	5,3	4,7	
15	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	12		3,5		4,1	3,8	6,7	5,0	
16	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	12		4,5		7,6	6,1	8,2	6,9	
17	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	11		3,5		0,0	1,8	5,6	3,3	
18	2123050153	Nguyễn Võ Tri	Huy	25/12/2005	CCQ2305D									
19	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	09		4,5		7,2	5,9	6,4	6,1	

46

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400329)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	11	<i>Khoa</i>	4,7	<i>Khoa</i>	6,2	5,5	6,9	6,1	
21	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	09	<i>Khoa</i>	7,5	<i>Sử</i>	8,0	6,6	7,2	6,8	
22	2123050135	Bá Trung	Lê	05/08/2005	CCQ2305C	10	<i>Bá</i>	4,0	<i>Bá</i>	6,3	5,2	6,9	5,9	
23	2123050198	Phạm Thanh	Liêm	23/08/2004	CCQ2305E	11	<i>Liêm</i>	5,5	<i>Liêm</i>	4,1	4,8	6,1	5,3	
24	2122110569	Hà Phước	Lộc	19/09/2003	CCQ2211N	09	<i>Hà</i>	3,8	<i>Hà</i>	6,9	5,4	5,7	5,5	
25	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	10	<i>Luận</i>	00			00	4,0	1,6	

Đ: 8
H: 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Sướng

Môn học: Anh văn 1 (22400329)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	10		3,4		0,0	1,7	4,4	2,8	
2	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	9		4,0		5,0	4,5	8,1	5,9	
3	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	12		4,6		8,2	6,4	5,9	6,2	
4	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	11		4,1		2,7	3,4	4,7	3,9	
5	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	CCQ2305C	10		4,9		2,7	3,8	4,8	4,2	
6	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C						Cấm thi	0,0	00	
7	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D						Cấm thi	0,0	00	
8	2123050121	Mai Vũ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C						Cấm thi	0,0	00	
9	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	10		3,3		4,0	3,7	4,6	4,1	
10	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	12		4,0		7,9	6,0	7,5	6,6	
11	2123050226	Lê Văn	Phụng	25/11/2003	CCQ2305E						Cấm thi	0,0	00	
12	2123050227	Bảo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E	11		00			00	3,9	1,6	
13	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	10		5,3		5,7	5,5	6,7	6,0	
14	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	9		00			00	4,9	2,0	
15	2123050230	Trịnh Công	Son	11/10/2005	CCQ2305E	12		4,8		6,8	5,8	6,4	6,0	
16	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	11		5,8		0,0	2,9	6,7	4,4	
17	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E	10		7,1		0,0	3,6	5,1	4,2	
18	2123050697	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C						Cấm thi	0,0	00	
19	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E	10		2,0		0,0	1,0	3,5	2,0	định chế Núi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400329)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-27

Cán bộ coi thi 1

Thủy
N.T. Thủy

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hoàng Xuân
Nguyễn Hoàng Xuân

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Kim Thạo
Kim Thạo

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Đ.T.T. Dũng
Đ.T.T. Dũng

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn
Nguyễn Văn

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Trần Thị Hiên
Trần Thị Hiên

C. Sương
C. Sương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	11	<i>Đ</i>	5,0	<i>Đ</i>	5,0	5,0	6,0	5,4	
21	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	12	<i>Trần</i>	5,3	<i>Toàn</i>	6,8	6,1	5,5	5,9	
22	2123050251	Đông Văn	Trường	01/01/2005	CCQ2305E						<i>Cẩm Thư</i>	0,0	0,0	
23	2123050229	Nguyễn Anh	Tuấn	22/03/2005	CCQ2305E									
24	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	11	<i>Ng</i>	5,5	<i>Ng</i>	5,6	5,6	5,6	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
I học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400330)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 28

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123210022	Cao Ngọc Thủy	An	08/05/2005	CCQ2321A	10	<i>Thủy</i>	6,3	<i>Cao Thi</i>	4,4	5,4	8,3	6,6	
2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	CCQ2321B	11	<i>Thiện</i>	5,7	<i>Nguyễn</i>	6,9	6,3	9,0	7,4	
3	2123210196	Trần Thanh	Ân	05/11/2002	CCQ2321A	10	<i>An</i>	4,2	<i>Trần</i>	0,9	3,6	7,0	5,0	
4	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24/06/2000	CCQ2321A	11	<i>Đỗ</i>	8,8	<i>Hoàng</i>	8,1	8,5	8,6	8,5	
5	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	CCQ2321B	10	<i>Anh</i>	9,0	<i>Trịnh</i>	7,6	8,3	8,1	8,2	
6	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	CCQ2321B	11	<i>Bảo</i>	6,7	<i>Phạm</i>	7,3	7,0	9,6	8,0	
7	2123210067	Nguyễn Chí	Cường	02/01/2005	CCQ2321B	09	<i>Cường</i>	6,8	<i>Nguyễn</i>	4,8	5,8	7,0	6,3	
8	2123210006	Nguyễn Quang	Dũng	22/06/2004	CCQ2321A						Cấm thi	0,0	0,0	Học lại
9	2123210002	Bùi Thị Thủy	Dương	07/02/2004	CCQ2321A	09	<i>Dương</i>	6,5	<i>Bùi</i>	5,0	5,8	7,0	6,3	
10	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A						Cấm thi	0,0	0,0	Học lại
11	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	CCQ2321A	09	<i>Duyên</i>	6,7	<i>Vũ</i>	5,0	5,9	9,9	7,5	
12	2123210028	Nguyễn Hương	Giang	21/10/2005	CCQ2321A	12	<i>Giang</i>	8,0	<i>Nguyễn</i>	7,7	7,9	9,5	8,5	
13	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	CCQ2321B	12	<i>Hân</i>	5,1	<i>Bùi</i>	0,0	2,6	5,6	3,8	Học lại
14	2123210057	Tô Thị Thanh	Hân	16/03/2005	CCQ2321B	09	<i>Thanh</i>	4,7	<i>Tô</i>	0,0	2,4	8,2	4,7	Học lại
15	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	CCQ2321B	03	<i>Hoài</i>	4,8	<i>Đỗ</i>	0,0	2,4	7,1	4,3	Học lại
16	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B	09	<i>Mỹ</i>	6,5	<i>Nguyễn</i>	8,1	7,3	9,7	8,3	
17	2123210030	Nguyễn Tấn	Hoàng	17/08/2005	CCQ2321A	12	<i>Tấn</i>	7,2	<i>Nguyễn</i>	4,5	5,9	8,0	6,7	
18	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/12/2005	CCQ2321A	09	<i>Diễm</i>	5,1	<i>Nguyễn</i>	8,0	6,6	8,1	7,2	
19	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	09/12/2005	CCQ2321A	11	<i>Ý</i>	5,5	<i>Nguyễn</i>	7,3	6,4	9,3	7,6	

(48)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Hương

Môn học: Anh văn 1 (22400330)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

DN Thùy Dung
L.T.T. T. T. T.

Phạm Phú Thảo
Trần Thị Hương

Ng. H. T. Văn

N. Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	CCQ2321A	10		6.5		8.0	7.3	10,0	8.4	
21	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B	11		5.1		3.1	4.1	5,9	4.8	Học lại
22	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	05/04/2005	CCQ2321A	10		7.1		5.2	6.2	8,5	7.1	
23	2123210058	Ngô Chí	Khanh	16/07/2005	CCQ2321B	11		3.3		4.2	3.8	6,1	4.7	Học lại
24	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	CCQ2321A	10		3.8		8.0	5.9	5,9	5.9	
25	2123210033	Trần Thị Mộng	Kiều	25/09/2005	CCQ2321A	12		5.7		5.5	5.6	6,7	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

49

C. Hương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400330)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 13

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 23

Ngô T. Đức P.T. 14. Thạc
Đ: 19
H: 04

Đoàn Thị Thuần Trần Thị Hồng

Ng. H. D. Văn

Thạc Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	CCQ2321A	12	Trúc	4.3	Trúc	4.7	4.5	8.8	6.2	
2	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	CCQ2321A	09	Linh	6.6	Linh	1.5	4.1	8.4	5.8	
3	2123210046	Nguyễn Văn	Lộc	21/01/2005	CCQ2321B	10	Lộc	1.9	Lộc	1.1	1.5	7.2	3.8	Học lại
4	2123210052	Đặng Thị Khánh	Ly	02/11/2005	CCQ2321B	11	Ly	4.5	Ly	8.3	6.4	6.7	6.5	
5	2123210044	Nguyễn Thị Thanh	Ly	01/07/2005	CCQ2321B	12	Ly	4.8	Ly	5.9	5.4	8.3	6.6	
6	2123210047	Bùi Lục Quế	Minh	18/09/2005	CCQ2321B	09	Quế	8.6	Quế	8.1	8.4	7.4	8.0	
7	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	CCQ2321A	10	Trần	5.1	Trần	0.0	2.6	6.2	4.0	Học lại
8	2123210041	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2321B	11	Trà	6.6	Trà	7.5	7.1	5.3	6.4	
9	2123210001	Hoàng Cẩm	Ngân	11/10/2004	CCQ2321A	11	Ngân	6.2	Ngân	3.9	5.1	8.0	6.3	
10	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	CCQ2321A	10	Thanh	6.7	Thanh	6.8	6.8	9.9	8.0	
11	2123040031	Phan Thành	Nhân	30/01/2005	CCQ2321A						Cấm thi	0.0	0.0	Học lại
12	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	CCQ2321A	12	Oanh	4.8	Oanh	4.2	4.5	6.6	5.3	
13	2123210034	Lương Thu	Phuong	09/09/2003	CCQ2321A	13/11	Phuong	5.2	Phuong	6.2	5.7	8.8	6.9	
14	2123210021	Nguyễn Thị Bích	Phuong	18/12/2005	CCQ2321A	10	Bích	6.5	Bích	7.4	7.0	9.2	7.9	
15	2123210008	Bùi Thanh	Quý	15/04/2005	CCQ2321A	09	Thanh	5.3	Thanh	2.5	3.9	5.1	4.4	Học lại
16	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	CCQ2321A	12	Son	5.6	Son	1.5	3.6	6.1	4.6	Học lại
17	2123210024	Nguyễn Thanh	Thảo	02/11/2005	CCQ2321A	12	Thảo	5.7	Thảo	3.0	4.4	9.2	6.3	
18	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	13/09/2005	CCQ2321A	09	Kim	5.2	Kim	7.1	6.2	8.9	7.3	
19	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	09/10/2005	CCQ2321A	10	Minh	3.9	Minh	8.1	6.0	9.4	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Hương (49)

Môn học: Anh văn 1 (22400330)

- **Thi Viết:**
Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 23
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 23
Phòng thi: D6-32 Số tờ giấy thi: 23

- **Thi Văn đáp:**
Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt:
Giờ thi: 9h45 Số bài thi:
Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn

Cán bộ coi thi 2

P. T. M. Phai

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Phạm Thị Thu

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Trần Thị Hương

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thủy	29/07/2005	CCQ2321A	AV1 - 11	Nguyễn Văn	6,7	Nguyễn Văn	5,0	5,9	9,7	7,4	
21	2123210007	Lê Thị Bích	Trâm	20/10/2003	CCQ2321A	12	Trâm	4,8	Trâm	5,1	5,0	7,7	6,1	
22	2123210011	Hồ Thị Ngọc	Trân	01/11/2005	CCQ2321A	09	Trân	5,8	Trân	3,1	4,5	8,5	6,1	
23	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A						Cấm thi	0,0	0,0	học lại
24	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	13/12/2005	CCQ2321A	10	Trúc	5,7	Trúc	3,5	4,6	7,9	5,9	
25	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuyền	24/12/2005	CCQ2321A	11	Nguyễn Văn	6,3	Nguyễn Văn	8,1	7,2	9,7	8,2	

H: 02
Đ: 23

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Thủy

Môn học: Anh văn 1 (22400331)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 26...

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 25...

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123210095	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/12/2005	CCQ2321C	09	Anh	4,6	Anh	6,7	5,7	7,8	6,5	
2	2123210079	Nguyễn Thị Quế	Anh	21/09/2005	CCQ2321C	10	Quế	5,7	Quế	7,0	6,4	8,9	7,4	
3	2123210075	Mai Thị	Ánh	28/11/2005	CCQ2321C	11	Anh	5,7	Thị	1,0	3,8	8,4	5,6	
4	2123210081	Phạm Thị Ngọc	Chinh	01/02/2005	CCQ2321C	12	Chinh	7,9	Chinh	7,8	7,9	9,9	8,7	
5	2123210072	Ngô Đăng Thành	Đạt	30/07/2005	CCQ2321C	09	Thành	7,1	Thành	1,6	4,4	7,8	5,8	
6	2123210103	Đỗ Thị Bích	Diễm	09/06/2005	CCQ2321C	10	Diễm	8,4	Bích	8,6	8,5	8,8	8,6	
7	2123210108	Võ Thị Thùy	Dung	26/04/2005	CCQ2321C	11	Dung	6,8	Thùy	7,9	7,4	7,8	7,6	
8	2123210073	Phạm Thu	Duyên	20/07/2005	CCQ2321C	12	Duyên	7,0	Thu	8,0	7,5	9,5	8,3	
9	2123210099	Vũ Hồng	Duyên	18/11/2005	CCQ2321C	09	Duyên	6,0	Duyên	5,8	5,9	7,4	6,5	
10	2123210085	Hồ Thị Quỳnh	Giao	19/06/2005	CCQ2321C	10	Giao	5,2	Quỳnh	5,7	5,5	8,5	6,7	
11	2123210104	Dăng Thị	Hằng	22/12/2004	CCQ2321C	11	Hằng	3,8	Thị	1,4	2,6	8,0	4,8	
12	2123210086	Lê Đỗ Phương	Hằng	25/03/2005	CCQ2321C	12	Hằng	7,6	Hằng	5,5	6,6	8,4	7,3	
13	2123210092	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/09/2005	CCQ2321C	09	Hồng	8,2	Hồng	6,5	7,4	8,6	7,9	
14	2123210083	Nguyễn Văn	Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C	10	Văn	5,8	Văn	7,7	6,8	7,9	7,2	
15	2123210084	Dăng Thị Thu	Hương	15/02/2003	CCQ2321C	11	Hương	4,2	Thu	5,0	5,1	7,6	6,1	
16	2123210094	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	28/09/2005	CCQ2321C	12	Kiều	4,3	Kiều	4,7	4,5	7,6	5,7	
17	2123210076	Từ Thị	Lan	28/02/2005	CCQ2321C	09	Thị	7,4	Lan	6,2	6,8	9,8	8,0	
18	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C	10	Lộc	3,6				5,8	2,3	
19	2123210059	Nguyễn Thị Yến	My	07/10/2005	CCQ2321B	11	My	4,3	My	7,6	6,0	7,4	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Thuý

Ng. H. T. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400331)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 26

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 26

Phòng thi: D6-33

Số tờ giấy thi: 26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	CCQ2321B	12	ngan	5,0	ngan	3,8	4,4	8,0	5,8
21	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	CCQ2321B	09	Như	7,1	Như	6,8	7,0	9,6	8,0
22	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	CCQ2321B	10	chng	4,1	chng	5,1	4,6	7,9	5,9
23	2123210088	Nguyễn Thị Tường	Nhi	13/05/2005	CCQ2321C		vàng				0,0		
24	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	17/04/2005	CCQ2321B	12	Như	3,7	Như	4,5	4,1	7,3	5,4
25	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	12/02/2005	CCQ2321B	09	Như	7,3	Như	8,0	7,7	8,3	7,9
26	2123210101	Võ Huỳnh	Như	20/12/2005	CCQ2321C	10	Như	4,4	Như	5,1	5,3	9,2	6,9
27	2123210102	Nguyễn Thị Đen	Ny	03/05/2005	CCQ2321C	11	Ny	3,7	Ny	4,9	2,8	8,4	5,0

D: 25
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400331)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-31

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

C. Thủy

Ng. H. T. Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123210074	Trần Nguyễn Xuân	Phương	24/07/2005	CCQ2321C							0,0		
2	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	CCQ2321B	A11-10	Quang	9,0	Quang	6,3	7,7	10,0	8,6	
3	2123210098	Nguyễn Minh	Quang	17/10/2005	CCQ2321C	11	Quang	8,0	Quang	7,1	7,6	8,9	8,1	
4	2123210100	Nguyễn Thị Trúc	Quy	22/04/2005	CCQ2321C	12	Quy	7,1	Quy	6,9	7,0	9,3	7,9	
5	2123210055	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/2005	CCQ2321B	09	Quỳnh	4,9	Quỳnh	4,4	4,7	7,4	5,8	
6	2123210184	Phạm Công	Sinh	28/02/2005	CCQ2321C	10	Sinh	4,7	Sinh	4,6	4,7	6,9	5,6	
7	2122200231	Nguyễn Văn	Thần	19/04/2004	CCQ2220G	11	Thần	5,6	Thần	4,0	4,8	7,1	5,7	
8	2123210097	Lê Thị Thu	Thảo	21/11/2005	CCQ2321C							0,0		
9	2123210089	Lê Thị Ý	Thơm	06/12/2005	CCQ2321C	09	Thơm	7,3	Thơm	7,6	7,5	10,0	8,5	
10	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	CCQ2321B	12	Cẩm	6,8	Cẩm	5,9	6,4	10,0	7,8	
11	2123210107	Lữ Anh	Thư	19/01/2005	CCQ2321C	11	Thư	3,5	Thư	2,1	2,8	8,8	5,2	
12	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thủy	23/06/2005	CCQ2321B	10	Thủy	5,3	Thủy	2,9	4,1	8,4	5,8	
13	2123210093	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	23/02/2005	CCQ2321C	09	Thúy	4,0	Thúy	4,0	4,0	9,3	6,1	
14	2123210069	Vì Thị Thu	Thúy	28/11/2005	CCQ2321B	12	Thúy	7,0	Thúy	6,4	6,7	7,6	7,1	
15	2123210077	Danh Thị Cẩm	Tiên	03/05/2005	CCQ2321C	11	Tiên	5,1	Tiên	1,4	3,3	7,7	5,1	
16	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	CCQ2321B	12	Tiên	4,5	Tiên	6,1	5,3	8,1	6,4	
17	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	CCQ2321B	09	Tiên	4,7	Tiên	6,8	5,8	8,2	6,8	
18	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	CCQ2321B	10	Trang	4,9	Trang	7,0	6,0	8,2	6,9	
19	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	16/07/2005	CCQ2321B	11	Trang	4,5	Trang	7,5	6,1	9,1	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400331)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 25

Phòng thi: D6-35

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 25

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	24/06/2005	CCQ2321B	AVL-12	Trang	8,8	Trang	8,2	8,5	10,0	9,1	
21	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	26/12/2005	CCQ2321B	AV1-08	Trinh	7,8	Trinh	5,3	6,4	9,8	7,8	
22	2123210090	Nguyễn Thanh	Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C	AV1-12	Tuyen	8,0	Tuyen	7,5	7,8	9,5	8,5	
23	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	CCQ2321B	AV1-11	Bich	6,5	Bich	7,6	7,1	8,8	7,8	
24	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/08/2005	CCQ2321B	AV1-10	Tuyet	6,6	Tuyet	8,4	7,5	8,2	7,8	
25	2123210096	Phan Chí	Vĩ	28/03/2005	CCQ2321C	AV1-03	Ví	4,5	Ví	5,4	5,0	7,3	5,9	
26	2123170554	Bùi Thanh	Vương	24/01/2004	CCQ2327E						0,0			
27	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	CCQ2321B	AV1-11	Tuyl	5,6	Tuyl	3,0	4,3	8,0	5,8	
28	2123210087	Trần Thị Như	Ý	31/08/2005	CCQ2321C	AV1-10	Nhu	9,3	Nhu	7,9	8,6	9,7	9,0	

H: 01
Đ: 22

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400332)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-36 Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123070017	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	CCQ2307A	12	Anh	7,8	Anh	6,2	7,0	10,0	8,2
2	2123070012	Quách Gia	Bảo	17/07/2005	CCQ2307A	11	Bao	7,5	Bao	7,6	7,6	7,2	7,4
3	2123210168	Trương Hoàng	Đạt	06/07/2005	CCQ2321E	12	Đạt	9,7	Đạt	9,1	9,4	10,0	9,6
4	2123210181	Trương Đông	Du	09/02/2005	CCQ2321E						0,0		
5	2123070009	Phạm Hải	Duy	15/08/2005	CCQ2307A	12	Du	6,1	Du	5,5	5,8	6,2	6,0
6	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	03/06/2004	CCQ2321E	09	Duy	8,9	Duy	6,1	7,5	10,0	8,5
7	2123210190	Lê Thị	Duyên	28/11/2003	CCQ2321E	10	Duy	7,9	Duy	5,6	6,8	10,0	8,1
8	2123210170	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	21/06/2005	CCQ2321E	09	Duy	7,5	Duy	7,3	7,4	9,6	8,3
9	2123210169	Phạm Thị Mỹ	Giàu	23/11/2005	CCQ2321E	10	cuu	6,6	cuu	6,1	6,5	9,3	7,6
10	2123210176	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	20/08/2005	CCQ2321E	09	Hân	8,7	Hân	8,1	8,6	10,0	9,2
11	2123210155	Lê Nguyễn Bảo	Hân	07/04/2005	CCQ2321E	10	Hân	8,1	Hân	8,6	8,4	10,0	9,0
12	2123210178	Lê Thúy	Hậu	20/02/2005	CCQ2321E	09	Hau	5,8	Hau	3,3	4,6	9,0	6,4
13	2123210189	Lâm Thị Ngọc	Hiền	28/02/2005	CCQ2321E						0,0		
14	2123210179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/07/2005	CCQ2321E	11	Hien	8,3	Hien	7,1	7,9	10,0	8,7
15	2123070027	Nguyễn Minh	Hiếu	24/02/2004	CCQ2307A	15	Hien	6,5	Hien	5,5	6,0	7,2	6,5
16	2123210163	Trần Minh	Hoàng	05/10/2005	CCQ2321E	11	hoang	6,0	hoang	5,1	5,6	9,8	7,3
17	2123070007	Trần Văn	Hoàng	06/06/2005	CCQ2307A	12	hoang	3,3	hoang	3,4	3,4	6,2	4,5
18	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/2005	CCQ2321E	09	Thuy	5,6	Thuy	6,3	6,0	9,8	7,5
19	2123070020	Nguyễn Huỳnh	Hương	29/06/2005	CCQ2307A	10	Huong	7,0	Huong	6,3	6,7	9,4	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

52

C.Thủy

Môn học: Anh văn 1 (22400332)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-36 Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm IIP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123210161	Huỳnh Minh	Khải	05/10/2005	CCQ2321E	11		6,0		5,4	5,7	6,7	6,1	
21	2123070019	Đỗ Viết Gia	Kiệt	09/11/2005	CCQ2307A	12		4,2		5,4	4,8	7,4	5,8	
22	2123070023	Hoàng Nguyễn Tuấn	Kiệt	15/09/2005	CCQ2307A	11		4,9		5,1	5,0	8,2	6,3	
23	2123070001	Phạm Thị Ngọc	Liên	29/07/2004	CCQ2307A	10		8,3		7,5	7,9	10,0	8,7	
24	2123210154	Lâm Nguyễn Gia	Linh	17/05/2005	CCQ2321E	09		7,9		6,2	7,1	9,6	8,1	
25	2123210165	Hồ Trúc	Mai	03/04/2005	CCQ2321E	12		9,4		7,1	8,3	10,0	9,0	

Đ: 18
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

53

C. Thủy

Môn học: Anh văn 1 (22400332)

- Thi Viết

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: D7-38

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

GV chấm thi 1
Môn ViếtGV chấm thi 2
Môn ViếtGV chấm thi 1
Môn Văn đápGV chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123070008	Nguyễn Ngọc Kiều	My	30/03/2005	CCQ2307A						0,0		
2	2123210164	Phạm Huyền	My	05/05/2005	CCQ2321E	AV1-12	3,4	Phạm Huyền	5,3	4,4	8,9	6,2	
3	2123190116	Trần Tra	My	26/12/2003	CCQ2319A	AV1-09	7,7	Trần Tra	6,5	7,0	10,0	8,3	
4	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	26/11/2004	CCQ2321E	AV1-10	4,2	Mỹ	4,7	4,5	9,4	6,5	
5	2123210174	Ninh Thanh	Nam	03/12/2005	CCQ2321E						0,0		
6	2123070011	Hà Thị Kim	Ngân	27/06/2005	CCQ2307A	AV1-12	5,6	Hà Thị Kim	6,0	5,8	8,7	7,0	
7	2123070021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2002	CCQ2307A	AV1-09	7,0	Nguyễn Thị Kim	7,0	7,0	9,3	7,9	
8	2123210187	Phạm Trinh	Nguyễn	15/11/2005	CCQ2321E	AV1-10	7,0	Phạm Trinh	7,9	7,5	7,9	7,7	
9	2123210151	Nguyễn Trung	Nhân	06/03/2005	CCQ2321E	AV1-11	5,0	Nguyễn Trung	5,0	5,0	7,2	5,9	
10	2123070004	Vân Thị Yên	Nhiên	05/10/2005	CCQ2307A	AV1-12	2,6	Vân Thị Yên	6,3	4,5	7,9	5,9	
11	2123070003	Hoàng Thị Kim	Quanh	27/09/2005	CCQ2307A						0,0		
12	2123070022	Quách Triệu	Phú	12/06/2005	CCQ2307A	AV1-10	2,8	Quách Triệu	5,0	3,9	7,1	5,2	
13	2123210173	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh	15/10/2005	CCQ2321E						0,0		
14	2123210185	Nguyễn Thị Mỹ	Tám	15/08/2005	CCQ2321E	AV1-12	9,1	Nguyễn Thị Mỹ	8,4	8,8	9,5	9,1	
15	2123210167	Võ Thị Phương	Thanh	17/12/2005	CCQ2321E	AV1-09	7,2	Võ Thị Phương	7,5	7,4	9,8	8,4	
16	2123210150	Trương Ngọc	Thảo	26/12/2005	CCQ2321E	AV1-10	7,4	Trương Ngọc	6,9	7,2	9,2	8,0	
17	2123210157	Dương Thị Kim	Thoá	23/10/2005	CCQ2321E	AV1-11	6,6	Dương Thị Kim	7,1	6,9	9,1	7,8	
18	2123210188	Vong Bùng	Toán	11/12/2004	CCQ2321E						0,0		
19	2123210159	Nguyễn Thị Thủy	Trang	23/01/2005	CCQ2321E	AV1-09	3,2	Nguyễn Thị Thủy	6,0	4,6	9,0	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(53)

C. Thuy

Môn học: Anh văn 1 (22400332)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 18

Phòng thi: D7-38 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123190001	Phạm Đình Trí	03/02/1999	CCQ2319A							0,0		
21	2123210172	Nguyễn Đức Trí	10/08/2005	CCQ2321E	10		9,6		8,2	8,9	9,8	9,3	
22	2123210158	Mai Nguyễn Bảo Trúc	25/01/2005	CCQ2321E	11		8,0		7,6	7,8	8,4	8,0	
23	2123210160	Đào Quang Trương	11/10/2005	CCQ2321E	12		3,6				0,0		
24	2123210147	Võ Phi Mạnh Tường	29/01/2005	CCQ2321E	9		8,4		6,3	7,4	5,0	6,4	

Đ. 18
H. 02

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400333)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D7-39 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 8h30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110464	Nguyễn Thanh Thiên	Bảo	09/10/2004	CCQ2311B							0,0		
2	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	13/05/2004	CCQ2311A							3,6		
3	2122200147	Thăng Văn	Công	20/01/2003	CCQ2220E							0,0		
4	2123110035	Châu Thành	Đạt	25/10/2005	CCQ2311A	11	Dat	5,0	Dat	5,7	5,4	6,7	5,9	
5	2123110052	Huỳnh Văn	Định	07/07/2005	CCQ2311B	10	Dinh	6,7	Dinh	5,9	6,3	8,3	7,1	
6	2123110029	Bùi Thanh	Đông	02/01/2005	CCQ2311A	09		4,9		2,0	3,5	6,9	4,9	
7	2123110045	Trần Hoàng	Dũng	06/11/2005	CCQ2311B	11	Du	8,3	Du	6,4	6,9	5,3	6,3	
8	2123110036	Lâm Trung	Dương	07/07/1999	CCQ2311B	12	Du	7,2	Du	7,0	7,1	9,0	7,9	
9	2123110066	Đinh Quang	Hà	01/11/2005	CCQ2311B	09	Dinh	5,9	Dinh	4,3	5,1	8,3	6,4	
10	2123110001	Ma Văn	Hải	26/08/2002	CCQ2311A	10	Hai	4,1	Hai	3,7	3,9	7,1	5,2	
11	2123110059	Trần Ngọc	Hiệp	02/09/2004	CCQ2311B	11	Hiep	4,1	Hiep	5,7	4,9	7,3	5,9	
12	2123110031	Phạm Hoàng Minh	Hiếu	19/01/2005	CCQ2311A	12	Hieu	7,0	Hieu	7,2	7,1	7,9	7,4	
13	2123110537	Phan Ngọc Xuân	Hoa	03/04/2005	CCQ2311A	10	Hoa	8,3	Hoa	6,5	7,4	9,3	8,2	
14	2123170219	Lê Đức	Hoà	15/08/2005	CCQ2311B							0,0		
15	2123110049	Nguyễn Thế	Hoàng	22/08/2005	CCQ2311B	9	Huong	2,7	Huong	5,1	3,9	7,5	5,3	
16	2122170481	Hồ Tấn	Hưng	18/07/2004	CCQ2222A	10	Hung	4,9	Hung	6,2	6,5,6	8,3	6,7	
17	2123110060	Tô Văn	Hưng	21/02/2005	CCQ2311B	11	Hung	6,2	Hung	6,8	6,5	8,6	7,3	
18	2123110051	Đông Phúc	Khánh	20/04/2005	CCQ2311B	10	Phanh	6,1	Phanh	7,3	6,7	8,7	7,5	
19	2123110270	Phạm Thành	Khuong	17/02/2005	CCQ2311A	9	Khuong	5,6	Khuong	6,4	6,0	5,7	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400333)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D7-39 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C.Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110062	Trương Chí	Kiên	02/11/2005	CCQ2311B							0,0		
21	2123110044	Võ Trung	Kiên	05/11/2005	CCQ2311B	10	Kiên	4,7	Kiên	7,8	6.3	5,0	5.8	
22	2123110002	Nguyễn Hồng	Kỳ	26/01/2004	CCQ2311A	11	Kỳ	9.4	Kỳ	7.5	8.5	9.7	9.0	
23	2123110026	Phan Quang	Linh	22/07/2002	CCQ2311A							0,0		
24	2123110533	Nguyễn Hữu	Long	08/11/2005	CCQ2311B	12		5.3		4.5	4.9	6,0	5.3	
25	2121260110	Bùi Thị Yến	Mi	27/03/2003	CCQ2126D	12	Mi	6.0	Mi	7.4	6.7	8,6	7.5	

Đ. 20
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

55

C. Thuy

Môn học: Anh văn 1 (22400333)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20
Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20
Phòng thi: D7-40 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 20
Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 20
Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110039	Mai Văn	Nghiệp	20/10/2005	CCQ2311B	09	Nghiệp	4,7	Nghiệp	6,5	5,6	7,3	6,3	
2	2123110054	Trần Thị Mỹ	Như	17/05/2005	CCQ2311B	19	Như	6,4	Như	7,5	7,0	7,9	7,4	
3	2123110008	Vũ Đình Nam	Phong	25/01/2003	CCQ2311A							0,0		
4	2123110025	Mai Hồng	Phúc	14/01/2005	CCQ2311A	10	Phúc	6,7	Phúc	6,0	6,4	8,4	7,2	
5	2122050049	Dương Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B							0,0		
6	2122170857	Nguyễn Trường	Sang	18/03/2000	CCQ2217LC	10	Sang	6,8	Sang	8,0	7,4	8,7	7,9	
7	2122170600	Phùng Đức	Tài	09/06/2004	CCQ2217O							0,0		
8	2123110020	Nguyễn Duy	Tân	12/10/2005	CCQ2311A	12	Tân	5,6	Tân	4,6	5,1	6,9	5,8	
9	2123110367	Nguyễn Thái	Tân	04/10/2004	CCQ2311A	09	Tân	7,0	Tân	6,2	6,6	7,4	6,9	
10	2123110069	Cù Cao Quốc	Thắng	04/02/2005	CCQ2311B	10	Thắng	5,1	Thắng	5,4	5,3	8,1	6,4	
11	2123110011	Trần Nhật	Thanh	15/03/2005	CCQ2311A	11	Thanh	7,2	Thanh	4,4	5,8	8,0	6,7	
12	2123110028	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiện	07/06/2005	CCQ2311A	10	Thiện	6,8	Thiện	6,4	6,6	8,2	7,2	
13	2123110063	Lê Công	Thịnh	13/09/2005	CCQ2311B	13	Thịnh	9,1	Thịnh	7,2	8,2	9,4	8,7	
14	2122100057	Trần Thị Anh	Thư	11/02/2004	CCQ2210B	12	Thư	5,1	Thư	7,7	6,4	8,8	7,4	
15	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004	CCQ2217LC	11	Thuần	7,5	Thuần	8,0	7,8	9,0	8,3	
16	2123110022	Lê Nguyễn Thanh	Thương	24/12/2004	CCQ2311A							0,0		
17	2123110041	Lê Thị Cẩm	Tiên	24/04/2005	CCQ2311B	09	Tiên	6,7	Tiên	7,5	7,1	8,7	7,7	
18	2123110015	Trương Quốc	Toàn	12/07/2005	CCQ2311A	10	Toàn	6,7	Toàn	7,5	7,1	8,5	7,7	
19	2123110070	Tổng Lê Duy	Tri	14/07/2005	CCQ2311B	11	Tri	4,4	Tri	4,7	4,6	6,8	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Thu

Môn học: Anh văn 1 (22400333)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12g30 Số bài thi: 20

Phòng thi: D7-40 Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110005	Nguyễn Xuân	Trưởng	10/09/1999	CCQ2311A	12	Phu	9.0	Phu	7.0	8.0	9.3	8.5
21	2123110486	Từ Văn Anh	Trưởng	04/04/2005	CCQ2311A	09	Tru	6.1	Tru	6.8	6.5	7.8	7.0
22	2123110027	Hoàng Minh	Tuấn	05/07/2005	CCQ2311A						1.0		
23	2123030064	Lê Nam	Tuấn	23/03/2005	CCQ2311B	11	Le	7.8	Le	6.2	7.0	6.5	6.8
24	2123110061	Nguyễn Anh	Tuấn	11/09/2000	CCQ2311B	10	Ng	8.3	Ng	6.3	7.3	8.5	7.8
25	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F	09	Ng	2.1	Ng	4.7	3.4	7.6	5.1